



Ký bởi: UBND tỉnh Lâm Đồng
Giờ ký: 28/04/2025 19:41:13

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~HHH~~ /ĐA-UBND

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP CÁC TỈNH LÂM ĐỒNG, TỈNH BÌNH THUẬN
VÀ TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 về số lượng đơn vị hành chính (*sau đây viết tắt là ĐVHC*) cấp tỉnh sau sắp xếp và số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi phối hợp với các tỉnh: Bình Thuận và Đắk Nông, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lâm Đồng trình Chính phủ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII.
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp...
5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Trong quá trình thống nhất đất nước và tiến hành đổi mới, các ĐVHC cấp tỉnh trong đó có Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông (thành lập ngày 01/01/2004) nhiều lần được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp với từng giai đoạn lịch sử và đã đạt được một số kết quả tích cực góp phần phát huy nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang đẩy mạnh quá trình đổi mới và cải cách hành chính nhằm xây dựng một bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, việc nhập các ĐVHC cấp tỉnh, thành phố được xem là một trong những giải pháp chiến lược nhằm thực hiện mục tiêu trên. Chủ trương này đã được thể hiện rõ trong Kết luận số 126-KL/TW của Bộ Chính trị, nhấn mạnh việc rà soát, sắp xếp lại các ĐVHC không còn phù hợp về quy mô diện tích, dân số, đảm bảo tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện chất lượng dịch vụ công.

Hiện nay, theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ĐVHC cấp tỉnh cần đáp ứng ba tiêu chuẩn về diện tích, dân số và số ĐVHC cấp huyện; thống kê từ năm 2023, cả nước hiện có 10 tỉnh chưa đạt được đồng thời cả ba tiêu chuẩn này, 12 tỉnh không đạt đồng thời hai tiêu chuẩn diện tích và dân số, 03 tỉnh thành không đạt tiêu chuẩn diện tích và ĐVHC cấp huyện, 02 tỉnh không đạt tiêu chuẩn về dân số và ĐVHC cấp huyện, 13 tỉnh thành không đạt tiêu chuẩn về diện tích, 09 tỉnh không đạt tiêu chuẩn về dân số (tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận đảm bảo cả 03 tiêu chuẩn, tỉnh Đắk Nông không đảm bảo cả 03 tiêu chuẩn).

Bên cạnh kết quả đạt được theo từng giai đoạn lịch sử, việc chia, tách ĐVHC cấp tỉnh thời gian qua đã nảy sinh một số bất cập và hạn chế như việc chia tách nhiều ĐVHC cấp tỉnh dẫn đến bộ máy nhà nước cồng kềnh, làm thu hẹp không gian phát triển của các địa phương, nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương. Việc tăng số lượng đã dẫn đến tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở địa phương tăng; chức năng nhiệm vụ của chính quyền cấp tỉnh chưa đảm bảo để có phân cấp, phân quyền triệt để, mạnh mẽ từ Trung ương; ngân sách nhà

nước chỉ cho hoạt động của bộ máy, xây dựng trụ sở, mua sắm mới trang thiết bị làm việc tăng; đa số các ĐVHC cấp tỉnh vẫn còn phụ thuộc vào nguồn ngân sách của Trung ương phân bổ...

ĐVHC cấp tỉnh có quy mô nhỏ dẫn đến phân tán các nguồn lực, tiềm năng của các địa phương cho phát triển kinh tế - xã hội; tạo khó khăn trong công tác quy hoạch, đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, thu hút các nhà đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ quy mô lớn. Trong khi đó, thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số, nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hoá và triển khai thực hiện trên môi trường mạng giúp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

Theo đánh giá của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ, hiện tại là thời điểm chín muồi cho công cuộc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, khi những tồn tại cũ đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển. Nhiều tỉnh thành đã hết dư địa, phát triển chững lại hoặc hiệu quả không cao, trong khi nhiều địa phương vẫn rất khó khăn, sau nhiều năm chưa thể bứt phá dù có nhiều cơ chế hỗ trợ. Việc mở rộng phạm vi tỉnh cũng là phương thức giúp người đứng đầu địa phương cởi bỏ rào cản về không gian và nguồn lực, từ đó tạo điều kiện cho sự sáng tạo và phát triển.

Đồng thời, gắn với việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh để thực hiện xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Tỉnh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Do đó, việc xây dựng Đề án thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh trên cơ sở nhập các tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng⁽¹⁾ và quy định của Nhà nước⁽²⁾ về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh nhằm tổ chức hợp lý cấp tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước.

¹ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về số lượng ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp và Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

² Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP (TỈNH LÂM ĐỒNG, TỈNH BÌNH THUẬN, TỈNH ĐẮK NÔNG)

1. Tỉnh Lâm Đồng

1.1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và sắp xếp ĐVHC các cấp trước năm 1945

Cuối thế kỷ XIX vùng đất tỉnh Lâm Đồng hiện nay thuộc hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận. Năm 1893, bác sĩ Yersin phát hiện ra cao nguyên Lang Bian, đặt nền móng cho việc hình thành thành phố Đà Lạt sau này.

- Ngày 01/11/1899, Toàn quyền Paul Doumer ký Nghị định thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng và hai trạm hành chính ở Tánh Linh và trên cao nguyên Lang Bian. Năm 1905, bãi bỏ tỉnh Đồng Nai Thượng, trực thuộc lại tỉnh Bình Thuận.

- Ngày 06/01/1916, Toàn quyền E. Roume ký Nghị định thành lập tỉnh Lang Bian bao gồm toàn bộ vùng rừng núi các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước hiện nay. Địa giới tỉnh Lang Bian gồm: Phía Bắc giáp sông Krông Knô, phía Đông Nam giáp sông Krông Pha (nay thuộc tỉnh Ninh Thuận), phía Nam giáp sông Ca Giây một nhánh sông Phan Rí (nay thuộc tỉnh Bình Thuận), phía Tây giáp biên giới Campuchia.

- Ngày 20/4/1916, Hội đồng nhiếp chính của vua Duy Tân đã thông báo Dự thành lập thị tứ Đà Lạt.

- Ngày 30/5/1916, Khâm sứ J.E. Charles ký Nghị định thành lập trung tâm đô thị Đà Lạt.

- Chiếu dụ ngày 11/10/1920 của vua Khải Định, tách cao nguyên Lâm Viên bao gồm thị xã Đà Lạt và các thôn, xã lệ thuộc ra khỏi tỉnh Lâm Viên.

- Ngày 31/10/1920, Toàn quyền Maurice Long ký Nghị định thành lập khu tự trị Lâm Viên (thực hiện Dụ ngày 11/10/1920 của triều đình Huế tách cao nguyên Lâm Viên ra khỏi tỉnh Lâm Viên). Phần đất còn lại của tỉnh Lang Bian mang tên Đồng Nai Thượng, tỉnh lỵ đặt tại Djiring. Công sứ Đồng Nai Thượng đóng tại Đà Lạt trong khi chờ xây dựng các cơ sở cần thiết ở Djiring. Cùng ngày, một Nghị định khác của Toàn quyền Đông Dương ấn định khu tự trị trên cao nguyên Lâm Viên thành thị xã Đà Lạt và xác định nâng Đà Lạt lên thị xã hạng hai với những quy chế rộng rãi.

- Ngày 08/01/1941, Toàn quyền Decoux ký Nghị định thành lập tỉnh Lang Bian, thị trưởng Đà Lạt kiêm Tỉnh trưởng tỉnh Lang Bian.

1.2. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và sắp xếp ĐVHC các cấp từ năm 1945 đến nay

- Tháng 8/1945, UBND cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh tỉnh Lâm Viên và tỉnh Đồng Nai Thượng được thành lập.

- Ngày 14/12/1950, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung bộ Nguyễn Duy Trinh ký Quyết định đề nghị sáp nhập hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng.

- Ngày 22/02/1951, Phó Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng ký Nghị định số 73-TTg hợp nhất hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng.

- Ngày 19/5/1958, chính quyền Ngô Đình Diệm ra Nghị định số 170-NV đổi tên tỉnh Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng và Sắc lệnh số 26-NV thành lập tỉnh Tuyên Đức. Tỉnh Lâm Đồng gồm có 2 quận B'laro, Di Linh, dời tỉnh lỵ từ Di Linh xuống B'laro (ngày 19/02/1959 đổi tên thành Bảo Lộc). Tỉnh Tuyên Đức có 3 quận (gồm: Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, tỉnh lỵ đặt tại Đà Lạt). Riêng Đà Lạt là đô thị trực thuộc Trung ương và sau này sáp nhập vào tỉnh Tuyên Đức trở thành một ĐVHC: Đà Lạt - Tuyên Đức.

- Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị quyết định Đà Lạt là thành phố trực thuộc Trung ương; sáp nhập các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Bình Thuận thành tỉnh Thuận Lâm, tỉnh lỵ đặt tại Phan Rang. Ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị quyết định điều chỉnh lại việc hợp nhất một số tỉnh từ khu VI trở vào thành những tỉnh mới. Tháng 11/1975 giải thể quận Lạc Dương.

- Tháng 02/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền nam Việt Nam ra Nghị định về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam. Theo đó, tỉnh Lâm Đồng được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 tỉnh: Lâm Đồng, Tuyên Đức và thành phố Đà Lạt. Sau khi hợp nhất tỉnh Lâm Đồng có 05 ĐVHC cấp huyện⁽³⁾.

- Ngày 14/3/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 116-CP về việc chia huyện Bảo Lộc thành 02 huyện lấy tên là huyện Bảo Lộc và huyện Đa Huoai; chia huyện Đơn Dương thành 02 huyện là huyện Đơn Dương và huyện Lạc Dương. Sau khi chia tách, tỉnh Lâm Đồng có 07 ĐVHC⁽⁴⁾.

- Ngày 06/6/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 68-HĐBT chia huyện Đa Huoai thành 03 huyện lấy tên: Huyện Đa Huoai, huyện Đa Têh và huyện Cát Tiên. Sau khi chia tách tỉnh Lâm Đồng có 09 ĐVHC cấp huyện⁽⁵⁾.

³ Gồm: thành phố Đà Lạt và 04 huyện: Bảo Lộc, Di Linh, Đơn Dương và Đức Trọng.

⁴ Gồm thành phố Đà Lạt và 06 huyện: Bảo Lộc, Đa Huoai, Đơn Dương, Lạc Dương, Đức Trọng và Di Linh.

⁵ Gồm: thành phố Đà Lạt và 08 huyện: Bảo Lộc, Đa Huoai, Đa Têh, Cát Tiên, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng và Di Linh.

- Ngày 24/10/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 157-HĐBT chia huyện Đức Trọng thành 02 huyện lấy tên là huyện Đức Trọng và huyện Lâm Hà. Sau khi chia tách, tỉnh Lâm Đồng có 10 ĐVHC cấp huyện⁽⁶⁾.

- Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 65-CP chia huyện Bảo Lộc thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm. Sau khi chia tách, tỉnh Lâm Đồng có 11 ĐVHC cấp huyện⁽⁷⁾.

- Ngày 17/11/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 189/2004/NĐ-CP thành lập huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi chia tách thành lập mới tỉnh Lâm Đồng có 12 ĐVHC cấp huyện⁽⁸⁾.

- Ngày 08/4/2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về việc thành lập thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, tỉnh Lâm Đồng có 12 ĐVHC cấp huyện⁽⁹⁾.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 - 2025. Sau sắp xếp, tỉnh Lâm Đồng còn 10 ĐVHC cấp huyện⁽¹⁰⁾.

1.3. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và sắp xếp ĐVHC trực thuộc từ năm 1945 đến nay

1.3.1. Từ 1945 đến trước năm 1975

1.3.1.1. Tỉnh Lâm Đồng có 02 quận với 23 xã, cụ thể:

- Quận Bảo Lộc (12 xã): Thiện Lạc, Quần Lạc, Châu Lạc, An Lạc, Tân Lạc, Tân Thành, Tân Phát, B'Sar, Mađaguôi, Tân Điền, Tân Lú và Tân Rai.

- Quận Di Linh (11 xã): Di Linh, Đại Hiệp, Liên Đàm, Tân Dân, Châu Trung, Bảo Thuận, Đình Lạc, Đăng Gia, Gung Ré, Đình Trang Thượng, Đình Trang Hạ.

1.3.1.2. Tỉnh Tuyên Đức có 03 quận: Đơn Dương, Đức Trọng và Lạc Dương, với 27 xã. Cụ thể:

- Quận Đơn Dương, có các xã, gồm: Đơn Dương, Lạc Nghiệp, Xuân Trường, Lạc Lâm, Thạnh Mỹ, Kill Plagnol Thượng, Ninh Gia.

- Quận Đức Trọng, có các xã, gồm: Hiệp Thạnh, Phú Ninh, Tùng Nghĩa, Phú Sơn, Bình Thạnh, Teurlang Deung, Teurlang Tho, Romène, Yenglé, N'Thol Hạ, Lang Bian, Đình Văn.

⁶ Gồm: thành phố Đà Lạt và 09 huyện: Bảo Lộc, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên, Lạc Dương, Đơn Dương, Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà.

⁷ Gồm: thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc và 09 huyện: Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên, Lạc Dương, Đơn Dương, Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà.

⁸ Gồm: thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc và 10 huyện: Đam Rông, Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên, Lạc Dương, Đơn Dương, Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà.

⁹ Gồm 10 huyện: Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên và 2 thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc.

¹⁰ Gồm 08 huyện: Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đa Huoai và 2 thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc; giảm 02 ĐVHC cấp huyện: Đa Tềh, Cát Tiên.

- Quận Lạc Dương, có các xã, gồm: B'Neur, Xuân Thọ, Phước Thành, Thái Phiên, Dakao, N'Thol Thượng, Kill Plagnol Hạ, Lát.

1.3.2. Từ năm 1975 đến năm 1997

1.3.2.1. Tính đến ngày 14/3/1979, sau khi thực hiện Quyết định số 116-CP của Hội đồng Chính phủ, tỉnh Lâm Đồng có 6 huyện, 1 thành phố với 73 ĐVHC cấp xã, trong đó 61 xã, 6 thị trấn và 6 phường, cụ thể:

- Huyện Bảo Lộc gồm có các xã: Lộc Lâm, Lộc Nam, Lộc Thắng, Lộc An, Lộc Thanh, Lộc Sơn, Lộc Tiến, Lộc Bắc, Lộc Ngãi, Lộc Thành, Lộc Nga, Lộc Phát, Lộc Châu, Lộc Tân và thị trấn Blao.

- Huyện Đạ Huoai gồm có 07 xã, 03 thị trấn.

- Huyện Lạc Dương gồm có 05 xã. 01 thị trấn.

- Huyện Đơn Dương gồm có 08 xã. 01 thị trấn.

- Huyện Đức Trọng gồm có 12 xã.

- Huyện Di Linh gồm có 12 xã.

- Thành phố Đà Lạt gồm có 06 phường, 03 xã.

1.3.2.2. Ngày 19/9/1981, thực hiện Quyết định số 77-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về phân vạch địa giới một số xã và thị trấn thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Di Linh chuyển xã Di Linh thành thị trấn Di Linh và thành lập xã Bảo Thuận.

- Huyện Đức Trọng thành lập khu kinh tế mới của Hà Nội lấy tên là thị trấn nông trường Nam Ban.

1.3.2.3. Ngày 29/12/1981, sáp nhập xã Đồng Nai thuộc huyện Phước Long, tỉnh Sông Bé vào huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

1.3.2.4. Ngày 28/3/1983, thực hiện Quyết định số 22-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về phân vạch địa giới xã thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Bảo Lộc chia xã Lộc Ngãi thành hai xã là xã Lộc Ngãi và xã Lộc Đức;

- Huyện Đơn Dương chia xã Loan thành hai xã lấy tên là xã Ninh Loan và xã Đà Loan.

1.3.2.5. Ngày 06/3/1984, thực hiện Quyết định số 38-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về phân vạch địa giới một số xã thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Di Linh chia xã Gia Hiệp thành 02 xã là xã Gia Hiệp và xã Tam Bô; chia xã Sơn Điền thành hai xã là xã Sơn Điền và xã Gia Bắc, chia xã Đình Trang Hòa thành hai xã là xã Đình Trang Hòa và xã Hòa Trung.

- Huyện Đạ Huoai: Chia xã Đạ Kệ thành 02 xã là xã Đạ Kệ và xã Triệu Hải; chia xã Đạ Tẻh thành 02 xã là xã An Nhơn và xã Hà Đông; chia xã Đồng Nai thành 04 xã là xã Quảng Ngãi, xã Phù Mỹ, xã Đồng Nai và xã Phước Cát.

- Huyện Lạc Dương chia xã Kill Plagnol Hạ thành 02 xã là xã Đạ Chais và xã Đạ Sar.

- Huyện Đức Trọng giải thể xã Tùng Nghĩa để thành lập thị trấn Liên Nghĩa.

1.3.2.6. Thực hiện Quyết định số 67-HĐBT ngày 06/6/1986, Hội đồng Bộ trưởng về điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường, thị trấn thuộc các huyện Đạ Huoai, Đơn Dương, Di Linh và thành phố Đà Lạt thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

a) Huyện Đạ Huoai:

- Chia xã Đạ P'loa thành hai xã lấy tên là xã Đạ P'loa và xã Đoàn Kết;
- Chia xã Đạ M'ri thành ba ĐVHC lấy tên là xã Đạ M'ri, xã Hà Lâm và thị trấn Đạ M'ri;
- Chia xã Đạ Oai thành hai xã lấy tên là xã Đạ Oai và xã Đạ Tồn;
- Chia xã Triệu Hải thành hai xã lấy tên là xã Triệu Hải và xã Quảng Trị;
- Chia xã Hà Đông thành ba xã lấy tên là xã Hà Đông, xã Mỹ Đức và xã Quốc Oai;
- Chia xã Đạ Lây thành hai xã lấy tên là xã Đạ Lây và xã Hương Lâm;
- Chia xã Quảng Ngãi thành hai xã lấy tên là xã Quảng Ngãi và xã Tư Nghĩa;
- Chia xã Phù Mỹ thành hai xã lấy tên là xã Phù Mỹ và xã Mỹ Lâm;
- Chia xã Đồng Nai thành năm ĐVHC lấy tên là xã Đức Phổ, xã Nam Ninh, xã Gia Viễn, xã Tiên Hoàng và thị trấn Đồng Nai;
- Chia xã Phước Cát thành hai xã: xã Phước Cát 1 và xã Phước Cát 2.

b) Huyện Đơn Dương:

- Chia xã Đà Loan thành hai xã lấy tên là xã Đà Loan và xã Tà Năng;
- Chia xã Ninh Loan thành hai xã lấy tên là xã Ninh Loan và xã Tà Hine.

c) Huyện Di Linh: Chia xã Đình Trang Hòa thành ba xã lấy tên là xã Đình Trang Hòa, xã Hòa Ninh và xã Hòa Nam.

d) Thành phố Đà Lạt:

- Chia Phường 1 thành hai phường lấy tên là Phường 1 và Phường 2;
- Chia Phường 2 thành hai phường lấy tên là Phường 3 và Phường 4;
- Chia Phường 3 thành hai phường lấy tên là Phường 5 và Phường 6;

- Chia Phường 4 thành hai phường lấy tên là Phường 7 và Phường 8;
- Chia Phường 5 thành hai phường lấy tên là Phường 9 và Phường 10;
- Chia Phường 6 thành hai phường lấy tên là Phường 11 và Phường 12.

1.3.2.7. Thực hiện Quyết định số 68-HĐBT ngày 06/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, chia huyện Đạ Huoai thành ba huyện, trong đó:

- Huyện Đạ Huoai có 2 thị trấn: Mađaguôi, Đạ M'ri và 7 xã: Đạ P'loa, Đoàn Kết, Đạ M'ri, Hà Lâm, Mađaguôi, Đạ Oai, Đạ Tồn;
- Huyện Đạ Tẻh có thị trấn Đạ Tẻh và 9 xã: Đạ Kho, Triệu Hải, Quảng Trị, Hà Đông, Mỹ Đức, Quốc Oai, An Nhơn, Đạ Lây, Hương Lâm;
- Huyện Cát Tiên có thị trấn Đồng Nai và 10 xã: Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Mỹ Lâm, Phù Mỹ, Đức Phổ, Nam Ninh, Gia Viễn, Tiên Hoàng, Phước Cát 1, Phước Cát 2.

1.3.2.8. Thực hiện Quyết định số 157-HĐBT ngày 24/10/1987 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, xã và thị trấn thuộc tỉnh Lâm Đồng; trong đó:

- a) Chuyển xã Ninh Gia của huyện Di Linh; 04 xã: Đà Loan, Ninh Loan, Tà Hine và Tà Năng của huyện Đơn Dương về cho huyện Đức Trọng.
- b) Giải thể xã Thạnh Mỹ của huyện Đơn Dương để thành lập thị trấn Thạnh Mỹ.
- c) Thành lập 10 xã mới của huyện Đức Trọng gồm: Rô Men, Liêng Srôngh, Phi Liêng, Phúc Thọ, Tân Thanh, Hoài Đức, Đan Phượng, Tân Hà, Gia Lâm, Đông Thanh; chia thị trấn Nam Ban thành 02 ĐVHC: Thị trấn Nam Ban và xã Mê Linh; giải thể xã Đình Văn thành lập thị trấn Đình Văn.
- d) Chia huyện Đức Trọng thành 02 huyện lấy tên là huyện Đức Trọng và huyện Lâm Hà, trong đó:
 - Huyện Đức Trọng có thị trấn Liên Nghĩa và 11 xã: Đà Loan, Bình Thạnh, Phú Hội, Liên Hiệp, Ninh Gia, Ninh Loan, N'Thôn Hạ, Tà Hine, Tà Năng, Hiệp Thạnh, Tân Hội.
 - Huyện Lâm Hà có 02 thị trấn Nam Ban, thị trấn Đình Văn và 15 xã: Đạ Đờn, Phi Tô, Phú Sơn, Tân Văn, Phi Liêng, Rô Men, Liêng Srôngh, Phúc Thọ, Tân Thanh, Hoài Đức, Đan Phượng, Tân Hà, Gia Lâm, Đông Thanh, Mê Linh.

1.3.2.9. Thực hiện Quyết định số 135-HĐBT ngày 16/9/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới hành chính một số xã, thị trấn của huyện Đơn Dương thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó: Chia xã Ka Đô thành 2 xã lấy tên là xã Ka Đô và xã Quảng Lập; chia xã Ka Đơn thành 2 xã lấy tên là xã Ka Đơn và xã Pró; thành lập thị trấn D'Ran trên cơ sở xã Lạc Nghiệp.

1.3.2.10. Thực hiện Nghị định số 65-CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ về chia huyện Bảo Lộc thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm, trong đó:

- Thị xã Bảo Lộc: Chia thị trấn B'laro thành 3 ĐVHC là phường 1, phường 2 và phường B'laro; thành lập xã Đambri trên cơ sở thôn Đambri; thành lập phường Lộc Tiến trên cơ sở xã Lộc Tiến; thành lập phường Lộc Sơn trên cơ sở xã Lộc Sơn; thành lập phường Lộc Phát trên cơ sở xã Lộc Phát. Sau điều chỉnh thị xã Bảo Lộc có 10 ĐVHC (06 Phường: 1, 2, B'laro, Lộc Sơn, Lộc Tiến, Lộc Phát và 04 xã: Lộc Châu, Đambri, Lộc Thanh và Lộc Nga).

- Huyện Bảo Lâm: Chia xã Lộc Thắng thành thị trấn Lộc Thắng và xã Lộc Quảng; chia xã Lộc Lâm thành xã Lộc Lâm và xã Lộc Phú; chia xã Lộc Bắc thành xã Lộc Bắc và xã Lộc Bảo. Sau điều chỉnh huyện Bảo Lâm có 12 ĐVHC, gồm thị trấn Lộc Thắng và 11 xã (Lộc Quảng, Lộc Ngãi, Lộc Đức, Lộc Lâm, Lộc Phú, Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc An, Lộc Tân, Lộc Thành và Lộc Nam).

1.3.3. Từ năm 1997 đến năm 2018

1.3.3.1. Thực hiện Nghị định số 38/1999/NĐ-CP ngày 18/06/1999 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập xã thuộc các huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh và thị xã Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng; trong đó:

- Huyện Đức Trọng: Thành lập xã Hiệp An trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Hiệp Thạnh.

- Huyện Lâm Hà: Thành lập xã Liên Hà trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Tân Hà.

- Huyện Di Linh: Thành lập xã Tân Nghĩa trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Đình Lạc.

- Thị xã Bảo Lộc: Thành lập xã Đại Lào trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Lộc Châu.

1.3.3.2. Thực hiện Nghị định số 79/1999/NĐ-CP ngày 24/8/1999 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới xã thuộc các huyện Lạc Dương, Lâm Hà và Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Lạc Dương: Thành lập xã Đưng K'Nơ trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Dạ Long.

- Huyện Lâm Hà: Thành lập xã Dạ K'Nàng trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Phi Liêng.

- Huyện Bảo Lâm: Thành lập xã Tân Lạc trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Lộc Thành.

1.3.3.3. Thực hiện Nghị định số 62/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ về thành lập xã thuộc các huyện Đơn Dương, Đức Trọng và Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Đơn Dương: Thành lập xã Đa Ròn trên cơ sở một phần diện tích, dân số của thị trấn Thanh Mỹ.

- Huyện Đức Trọng: Thành lập xã Tân Thành trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Tân Hội.

- Huyện Bảo Lâm: Thành lập xã B'Lá trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Lộc Quảng.

1.3.3.4. Thực hiện Nghị định số 112/2002/NĐ-CP ngày 31/12/2002 của Chính phủ về thành lập xã thuộc các huyện Lâm Hà, Đa Huoai, Đa Tẻh, Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Lâm Hà: Thành lập xã Nam Hà trên cơ sở một phần diện tích, dân số của thị trấn Nam Ban.

- Huyện Đa Huoai: Thành lập xã Phước Lộc trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Hà Lâm.

- Huyện Đa Tẻh: Thành lập xã Đa Pal trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Triệu Hải.

- Huyện Cát Tiên: Thành lập xã Đồng Nai Thượng trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Tiên Hoàng.

1.3.3.5. Thực hiện Nghị định số 189/2004/NĐ-CP ngày 17/11/2004 của Chính phủ về thành lập xã thuộc các huyện Lạc Dương, Lâm Hà và thành lập huyện Đam Rông tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Lạc Dương: Thành lập xã Đa Nhím trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Đa Chais.

- Huyện Lâm Hà: Thành lập xã Đa Rsal trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Rô Men.

- Thành lập huyện Đam Rông trên cơ sở diện tích, dân số của 03 xã Đa M'Rong, Đa Tông, Đa Long của huyện Lạc Dương và 05 xã (Liên Srôngh, Đa Rsal, Phi Liên, Đa K'Nang, Rô Men của huyện Lâm Hà).

1.3.3.6. Thực hiện Nghị định số 10/2009/NĐ-CP ngày 06/03/2009 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Đà Lạt, huyện Đức Trọng và huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Thành phố Đà Lạt: Thành lập xã Trạm Hành trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Xuân Trường.

- Huyện Đức Trọng: Thành lập xã Đa Quyn trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Tà Năng.

- Huyện Di Linh: Thành lập xã Tân Lâm trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Tân Thượng.

Như vậy tính đến cuối năm 2012, đầu năm 2013, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 148 ĐVHC cấp xã, trong đó có 118 xã, 18 phường và 12 thị trấn.

1.3.3.7. Thực hiện Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thị trấn để mở rộng địa giới hành chính các thị trấn Lạc Dương thuộc huyện Lạc Dương, thị trấn Di Linh thuộc huyện Di Linh, thị trấn Đồng Nai thuộc huyện Cát Tiên và đổi tên thị trấn Đồng Nai thành thị trấn Cát Tiên thuộc huyện Cát Tiên, trong đó:

Huyện Cát Tiên: Nhập xã Phù Mỹ vào thị trấn Đồng Nai và đổi tên thị trấn Đồng Nai thành thị trấn Cát Tiên.

1.3.3.8. Ngày 12/4/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 493/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị trấn Phước Cát thuộc huyện Cát Tiên trên cơ sở dân số và diện tích xã Phước Cát 1.

Như vậy, tính đến 30/4/2018, tỉnh Lâm Đồng có 147 ĐVHC cấp xã (116 xã, 18 phường và 13 thị trấn).

1.3.4. Từ năm 2019 đến nay

- Thực hiện Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng, theo đó, tỉnh Lâm Đồng thực hiện sắp xếp 10 ĐVHC cấp xã thành 05 ĐVHC cấp xã cụ thể:

- + Nhập xã Mỹ Lâm vào xã Nam Ninh, huyện Cát Tiên thành xã Nam Ninh.
- + Nhập xã Tư Nghĩa vào xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên thành xã Quảng Ngãi.
- + Nhập xã Hà Đông vào xã Mỹ Đức, huyện Đạ Tẻh thành xã Mỹ Đức.
- + Nhập xã Hương Lâm vào xã Đạ Lây, huyện Đạ Tẻh thành xã Đạ Lây.
- + Nhập xã Đạ M'ri vào thị trấn Đạ M'ri, huyện Đạ Huoai thành thị trấn Đạ M'ri.

Sau khi sắp xếp tỉnh Lâm Đồng có 142 ĐVHC cấp xã, gồm: 111 xã, 18 phường, 13 thị trấn.

- Thực hiện Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2025, theo đó, tỉnh Lâm Đồng thực hiện sắp xếp 10 ĐVHC cấp xã thành 05 ĐVHC cấp xã cụ thể:

- + Nhập xã Triệu Hải vào xã Quảng Trị, huyện Đạ Huoai thành xã Quảng Trị.
- + Nhập xã Đoàn Kết vào xã Đạ P'loa, huyện Đạ Huoai thành xã Bà Gia.
- + Nhập xã Phước Lộc vào xã Hà Lâm, huyện Đạ Huoai thành xã Hà Lâm.
- + Nhập xã Đạ Tồn vào xã Đạ Oai, huyện Đạ Huoai thành xã Đạ Oai.
- + Nhập xã Pró vào xã Quảng Lập, huyện Đơn Dương thành xã Quảng Lập.

Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có 137 ĐVHC cấp xã, gồm: 106 xã, 18 phường, 13 thị trấn.

2. Tỉnh Bình Thuận

2.1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và sắp xếp ĐVHC các cấp trước năm 1945

- Năm 1693, triều đình phong kiến đã lập thành trấn và đặt tên vùng đất này là Trấn Thuận Thành.

- Năm 1697, trấn Thuận Thành được lập thành phủ và đổi tên là Bình Thuận. Tên gọi Bình Thuận chính thức xuất hiện kể từ năm 1697.

- Qua nhiều biến động lịch sử, theo hệ thống tổ chức hành chính của triều đình nhà Nguyễn, đến năm 1930, tỉnh Bình Thuận gồm 04 huyện (Tuy Phong, Phan Lý Chàm, Hàm Tân, Tánh Linh), 02 phủ (Hòa Đa, Hàm Thuận) và thị xã Phan Thiết.

- Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng bỏ “phủ, tổng” thực hiện thống nhất hệ thống ĐVHC 03 cấp là tỉnh, huyện, xã. Tỉnh Bình Thuận có 06 huyện và 01 thị xã gồm huyện Tuy Phong, Phan Lý Chàm, Hàm Tân, Tánh Linh, Hòa Đa, Hàm Thuận và thị xã Phan Thiết.

2.2. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và sắp xếp ĐVHC các cấp từ năm 1945 đến nay

2.2.1 Từ năm 1946 đến năm 1975

- Do yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, tháng 4/1951, tỉnh sáp nhập 3 huyện Tuy Phong, Hòa Đa và Phan Lý Chàm thành huyện Bắc Bình.

- Đến năm 1952, một phần của huyện Hòa Đa và huyện Hàm Thuận được tách ra để thành lập Khu căn cứ Lê Hồng Phong; đồng thời, huyện Di Linh (tỉnh Lâm Đồng) được giao cho tỉnh Bình Thuận trực tiếp chỉ đạo.

- Năm 1953, Phan Lý Chàm được tách ra khỏi Bắc Bình thành một huyện riêng.

- Tháng 7/1954, tỉnh Bình Thuận gồm thị xã Phan Thiết, các huyện Bắc Bình, Phan Lý Chàm, Di Linh, Hàm Thuận, Tánh Linh và Khu Lê Hồng Phong.

- Năm 1962, thành lập Ban cán sự Bắc Sơn, chỉ đạo các huyện Tuy Phong, Phan Lý Chàm và phía Bắc Hòa Đa; đồng thời, huyện căn cứ Lê Hồng Phong được tái lập, huyện Tánh Linh được chia thành 02 huyện Tánh Linh và Hoài Đức theo địa giới hành chính của chính quyền Sài Gòn; giao huyện Di Linh về lại tỉnh Lâm Đồng.

- Năm 1966, huyện căn cứ Lê Hồng Phong được giải thể và sáp nhập vào huyện Thuận Phong, Hòa Đa.

- Tháng 4/1967, Khu VI thành lập tỉnh Bắc Bình, gồm các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Chàm và K67. Tỉnh Bình Thuận còn lại các huyện Thuận Phong, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức và thị xã Phan Thiết.

- Đến tháng 8/1968, giải thể tỉnh Bắc Bình, sáp nhập vào lại tỉnh Bình Thuận, K67 giao về tỉnh Tuyên Đức. Khu VI thành lập tỉnh Bình Tuy, gồm thị trấn La Gi, huyện Hoài Đức, Tánh Linh, Hàm Tân (theo địa giới hành chính của Chính quyền Sài Gòn).

- Năm 1970, huyện Tánh Linh chia thành Nam Thành và Nam Thắng. Năm 1974, thành lập thêm huyện Nghĩa Lộ. Tỉnh Bình Thuận còn lại thị xã Phan Thiết, huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Châm, Hàm Thuận và Thuận Phong.

- Đến ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, tỉnh Bình Thuận gồm có thị xã Phan Thiết, các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Châm, Hàm Thuận, Thuận Phong. Tỉnh Bình Tuy gồm có thị trấn La Gi, các huyện Hàm Tân, Nam Thắng (Tánh Linh), Nam Thành, Hoài Đức, Nghĩa Lộ.

2.2.2. Từ năm 1975 đến năm 1991

- Đối với tỉnh Bình Thuận, tháng 6/1975, huyện Hải Ninh được thành lập, đến tháng 01/1976, sáp nhập cùng các huyện Hòa Đa, Phan Lý Châm và Tuy Phong thành huyện Bắc Bình. Tháng 10/1975, sáp nhập huyện Thuận Phong vào Hàm Thuận.

- Đối với tỉnh Bình Tuy, tháng 6/1975, sáp nhập Nam Thành, Nam Thắng (Tánh Linh), Hoài Đức thành huyện Đức Linh; tháng 11/1975, sáp nhập các huyện Nghĩa Lộ, La Gi vào huyện Hàm Tân.

- Ngày 20/9/1975, thực hiện quyết định “giải thể khu hợp tỉnh” của Trung ương, trên địa bàn khu VI thành lập tỉnh Thuận Lâm, gồm 4 tỉnh: Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Tuyên Đức. Thị xã Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng) nâng lên thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh Bình Tuy giao về Khu VII cùng một số địa phương ở Đông Nam Bộ thành lập tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 19 điều chỉnh lại việc hợp nhất một số tỉnh từ Khu VI trở vào, chia tách Thuận Lâm thành 02 tỉnh mới: Lâm Đồng (gồm tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức) và Thuận Hải (gồm Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy tách ra từ tỉnh Đồng Nai).

- Năm 1976, tỉnh Thuận Hải, gồm thị xã Phan Thiết, huyện An Sơn, Ninh Hải, Bắc Bình, Hàm Thuận, Hàm Tân, Đức Linh.

- Tháng 12/1977, thành lập huyện đảo Phú Quý.

- Tháng 4/1983, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định tổ chức các ĐVHC tỉnh Thuận Hải, gồm 02 thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, Phan Thiết và các huyện Ninh Phước, Ninh Sơn, Ninh Hải, Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Tánh Linh, Đức Linh và Phú Quý.

2.2.3. Từ năm 1991 đến nay

- Ngày 26/12/1991, Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 10 ban hành Nghị quyết chia tỉnh Thuận Hải thành 02 tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận. Tỉnh Bình Thuận,

gồm thị xã Phan Thiết, các huyện Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Tánh Linh, Đức Linh và Phú Quý.

- Năm 1999, thị xã Phan Thiết được nâng cấp lên thành phố.
- Năm 2005, thành lập thị xã La Gi từ một phần đất huyện Hàm Tân.
- Đến năm 2010, tỉnh Bình Thuận gồm 10 huyện, thị, thành phố; 127 xã, phường, thị trấn trực thuộc.
- Đến ngày 01/01/2020, tỉnh Bình Thuận gồm 10 huyện, thị xã, thành phố gồm thành phố Phan Thiết, các huyện Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh, Phú Quý (huyện đảo) và 124 xã, phường, thị trấn trực thuộc (93 xã, 19 phường và 12 thị trấn).
- Đến ngày 01/12/2024, tỉnh Bình Thuận gồm 10 huyện, thị xã, thành phố gồm: thành phố Phan Thiết, các huyện Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh, Phú Quý (huyện đảo) và 121 xã, phường, thị trấn trực thuộc (93 xã, 16 phường và 12 thị trấn).

2.3. Quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC trực thuộc

Khi tái lập tỉnh Bình Thuận có 109 ĐVHC cấp xã gồm huyện Tuy Phong 11 đơn vị, huyện Bắc Bình 16 đơn vị, huyện Hàm Thuận Bắc 16 đơn vị, thị xã Phan Thiết 15 đơn vị, huyện Hàm Thuận Nam 12 đơn vị, huyện Hàm Tân 11 đơn vị, huyện Tánh Linh 14 đơn vị, huyện Đức Linh 11 đơn vị và huyện Phú Quý 03 đơn vị.

- Từ năm 1992 đến năm 2005, tỉnh Bình Thuận thành lập thêm 18 ĐVHC cấp xã trên cơ sở chia tách một phần diện tích và dân số của các xã để thành lập xã, phường, thị trấn mới; trong đó năm 2005 thành lập các phường, xã thuộc thị xã La Gi mới thành lập:

- + Xã Phan Tiến, huyện Bắc Bình (năm 1994).
- + Thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam (năm 1999).
- + Xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, phường Phú Tài, phường Xuân An, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết (năm 2001).
- + Xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình; xã Đông Hà, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, (năm 2003).
- + Phường Bình Tân, phường Phước Hội, phường Phước Lộc, phường Tân Thiện, xã Tân Hải, xã Tân Bình, xã Tân Phước, xã Tân Tiến, thị xã La Gi (năm 2005).
- Đến cuối năm 2005, tỉnh Bình Thuận có 10 ĐVHC cấp huyện (gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện); có 127 ĐVHC cấp xã: gồm 96 xã, 19 phường, 12 thị trấn.
- Ngày 01/01/2020, thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 820/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 để sáp nhập

06 ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Bình Thuận thành 03 ĐVHC cấp xã, sau sắp xếp giảm số lượng ĐVHC cấp xã từ 127 ĐVHC còn 124 ĐVHC, trong đó có 93 xã, 19 phường và 12 thị trấn:

+ Sáp nhập thị trấn Phan Rí Cửa và xã Hòa Phú, huyện Tuy Phong thành thị trấn Phan Rí Cửa.

+ Sáp nhập xã Đức Tân và xã Măng Tố, huyện Tánh Linh thành xã Măng Tố.

+ Sáp nhập xã Đức Chính và xã Nam Chính, huyện Đức Linh thành xã Nam Chính.

- Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1253/NQ-UBTVQH15 để sáp nhập 05 ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Bình Thuận thành 02 ĐVHC cấp xã:

+ Sáp nhập phường Lạc Đạo, phường Đức Nghĩa, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết thành phường Lạc Đạo.

+ Sáp nhập phường Bình Hưng và phường Hưng Long thành phố Phan Thiết thành phường Bình Hưng.

+ Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên của xã Phan Lâm nhập vào xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình.

Hiện nay, tỉnh Bình Thuận có 121 ĐVHC cấp xã, trong đó có 93 xã, 16 phường và 12 thị trấn.

3. Tỉnh Đắk Nông

3.1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và sắp xếp ĐVHC các cấp trước năm 1975

- Từ năm 1954, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai ra sức kiểm soát, khống chế vùng đất này. Tháng 01/1959, chính quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh số 24-NV thành lập tỉnh Quảng Đức, gồm 3 quận: Đức Lập, Kiến Đức, Khiêm Đức, tỉnh lỵ đặt tại Gia Nghĩa (địa giới hành chính tỉnh Quảng Đức về cơ bản giống như địa giới hành chính tỉnh Đắk Nông hiện nay).

- Tháng 01/1959, chính quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Quảng Đức gồm một phần phía Tây của tỉnh Đắk Lắk và một phần quận Kiến Hòa của Thủ Dầu Một. Địa giới hành chính của tỉnh Quảng Đức về cơ bản giống như địa giới tỉnh Đắk Nông ngày nay, được chia làm 3 quận: Quận Đức Lập, quận Kiến Đức, quận Khiêm Đức và khu hành chính Đức Xuyên.

- Trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, tháng 12/1960, Trung ương Đảng quyết định thành lập tỉnh Quảng Đức, dựa trên sự phân chia địa giới của chính quyền Sài Gòn (lấy mật danh là B4). Khi mới thành lập, tỉnh Quảng Đức thuộc Liên tỉnh IV, do Liên khu V chỉ đạo; đến giữa năm 1961, khu VI được thành lập, tỉnh Quảng Đức thuộc sự chỉ đạo của khu VI.

- Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, phạm vi hành chính của tỉnh Quảng Đức cũng được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ chiến lược và điều kiện chiến tranh.

- Đầu năm 1962, tỉnh Quảng Đức giải thể: Cát huyện Khiêm Đức nhập về tỉnh Lâm Đồng; huyện Đức Lập và Đức Xuyên nhập về Đắk Lắk; huyện Kiến Đức nhập về Phước Long.

- Đến năm 1963, tỉnh Quảng Đức được tái lập, thuộc sự chỉ đạo của Khu X.

- Tháng 10/1963, giải thể Khu X, đồng thời giải thể luôn tỉnh Quảng Đức. Huyện Đức Lập, Đức Xuyên về lại tỉnh Đắk Lắk; huyện Khiêm Đức về lại Lâm Đồng; Kiến Đức vẫn thuộc Phước Long.

- Đến năm 1966, Khu X được tái lập lại và quyết định tạm thời chia tỉnh Quảng Đức thành hai Tiền phương A và B.

+ Tiền phương A gồm huyện Đức Lập và Đức Xuyên.

+ Tiền phương B gồm huyện Khiêm Đức và Kiến Đức. Đến tháng 01/1967, cơ quan Tiền phương A và B hợp nhất thành tỉnh Quảng Đức như cũ.

- Tháng 5/1971, giải thể tỉnh Quảng Đức, đồng thời giải thể luôn Khu X. Giao Khiêm Đức, Kiến Đức về Lâm Đồng dưới sự chỉ đạo của khu VI; Đức Xuyên, Đức Lập về Đắk Lắk thuộc khu V chỉ đạo.

- Đến tháng 8/1974, cắt Kiến Đức về Phước Long; huyện Khiêm Đức vẫn thuộc Lâm Đồng.

Như vậy, địa giới hành chính và các huyện lúc này được giữ nguyên cho đến ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3.2. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và sắp xếp ĐVHC các cấp từ năm 1975 đến nay

- Tháng 5/1975, tỉnh Quảng Đức được tái lập để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhanh chóng ổn định tình hình, từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh và ổn định đời sống Nhân dân sau ngày giải phóng.

- Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý hành chính, tháng 11/1975, tỉnh Quảng Đức sáp nhập vào tỉnh Đắk Lắk.

- Tháng 01/1976, đổi tên huyện Khiêm Đức thành huyện Đắk Nông.

- Tháng 6/1976, huyện Đức Lập đổi tên thành huyện Đắk Mil.

- Tháng 02/1986, thành lập huyện Đắk R'Lấp trên cơ sở chia tách huyện Đắk Nông.

- Tháng 11/1987, huyện Krông Nô được thành lập trên cơ sở một phần diện tích của các huyện: Đắk Nông, Đắk Mil và huyện Lắk.

- Tháng 6/1990, huyện Cư Jút được thành lập trên cơ sở tách một phần diện tích của thị xã Buôn Ma Thuột.

- Tháng 6/2001, thành lập huyện Đắk Song trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đắk Nông và huyện Đắk Mil.

- Xuất phát từ yêu cầu phát triển vùng đất Nam Tây Nguyên, ngày 26/11/2003, Quốc hội khóa XI đã ra Nghị quyết số 22/2003/QH11 về việc chia tách tỉnh Đắk Lắk thành hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông. Tỉnh Đắk Nông chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2004. Khi tái lập tỉnh Đắk Nông gồm có 06 huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song, Đắk Nông, Đắk R'Lấp và Krông Nô.

- Ngày 27/6/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 82/2005/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Gia Nghĩa; thành lập các phường, xã thuộc thị xã Gia Nghĩa và đổi tên huyện Đắk Nông thành huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Sau khi chia tách thành lập mới tỉnh Đắk Nông có 07 ĐVHC cấp huyện, gồm Thị xã Gia Nghĩa và 06 huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Glong, Đắk R'lấp, Đắk Song, Krông Nô.

- Ngày 22/11/2006, Chính phủ ban hành Nghị định số 142/2006/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, huyện; thành lập xã thuộc các huyện Đắk R'lấp, Đắk Song, Đắk Mil và thành lập huyện Tuy Đức thuộc tỉnh Đắk Nông. Sau khi chia tách thành lập mới tỉnh Đắk Nông có 08 ĐVHC cấp huyện, gồm Thị xã Gia Nghĩa và 06 huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Glong, Đắk R'lấp, Đắk Song, Krông Nô.

- Ngày 17/12/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị định số 835/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập phường Quảng Thành thuộc thị xã Gia Nghĩa và thành phố Gia Nghĩa thuộc tỉnh Đắk Nông. Tỉnh Đắk Nông có 08 ĐVHC cấp huyện gồm Thành phố Gia Nghĩa và 07 huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Glong, Đắk R'lấp, Đắk Song, Krông Nô, Tuy Đức.

Hiện nay, tỉnh Đắk Nông có 71 ĐVHC cấp xã; trong đó có 60 xã, 06 phường và 05 thị trấn.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Vị trí địa lý của các tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông

1.1. Tỉnh Lâm Đồng

Tỉnh Lâm Đồng thuộc Nam Tây Nguyên, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp tỉnh Khánh Hoà và tỉnh Ninh Thuận.
- Phía Tây giáp tỉnh Bình Phước.
- Phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đồng Nai.
- Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Đắk Nông.

1.2. Tỉnh Bình Thuận

Bình Thuận là tỉnh cuối cùng của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có vị trí địa lý:

- Phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.
- Phía Đông Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận.
- Phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai.
- Phía Tây Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Phía Đông và phía Nam giáp Biển Đông.

1.3. Tỉnh Đắk Nông

Đắk Nông nằm ở cửa ngõ phía Tây Nam của Tây Nguyên, có vị trí địa lý:

- Phía Đông và phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk.
- Phía Tây giáp tỉnh Bình Phước và Vương quốc Campuchia.
- Phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng.

2. Diện tích tự nhiên, Quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

2.1. Tỉnh Lâm Đồng

- Diện tích tự nhiên⁽¹¹⁾: 9.781,20 km².
- Quy mô dân số⁽¹²⁾: 1.595.597 người.
- Số ĐVHC trực thuộc:
 - + ĐVHC cấp huyện: 10 huyện, thành phố (08 huyện và 02 thành phố).
 - + ĐVHC cấp xã: 137 xã, phường, thị trấn (106 xã, 18 phường và 13 thị trấn). Dự kiến sau sắp xếp còn 51 ĐVHC cơ sở (09 phường, 42 xã).

2.2. Tỉnh Bình Thuận

- Diện tích tự nhiên⁽¹³⁾: 7.942,60 km².
- Quy mô dân số thường trú⁽¹⁴⁾: 1.531.253 người.
- Số ĐVHC trực thuộc:
 - + ĐVHC cấp huyện: 10 huyện, thị xã, thành phố (08 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố).
 - + ĐVHC cấp xã: 121 xã, phường, thị trấn (93 xã, 16 phường và 12 thị trấn). Dự kiến sau sắp xếp còn 45 ĐVHC cơ sở (08 phường, 36 xã, 01 đặc khu Phú Quý).

¹¹ Văn bản số 63/STNMT-ĐĐBĐ ngày 07/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

¹² Văn bản số 3777/CAT-PC06 ngày 31/12/2024 của Công an tỉnh Lâm Đồng.

¹³ Văn bản số 1103/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 10/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận.

¹⁴ Văn bản số 1641/CAT-PC06 ngày 10/4/2025 của Công an tỉnh Bình Thuận.

2.3. Tỉnh Đắk Nông

- Diện tích tự nhiên⁽¹⁵⁾: 6.509,27 km².
- Quy mô dân số thường trú⁽¹⁶⁾: 746.149 người.
- Số ĐVHC trực thuộc:
 - + ĐVHC cấp huyện: 08 huyện, thành phố (07 huyện và 01 thành phố).
 - + ĐVHC cấp xã: 71 xã, phường, thị trấn (60 xã, 06 phường và 05 thị trấn). Dự kiến sau sắp xếp còn 28 ĐVHC cơ sở (03 phường, 25 xã).

3. Chức năng, vai trò

3.1. Tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng là tỉnh miền núi phía Nam Tây Nguyên, nằm giữa 3 vùng kinh tế lớn là vùng Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung và vùng Đông Nam Bộ, ở độ cao từ 300 m đến 1.500 m so với mặt nước biển. Tỉnh Lâm Đồng có nhiều tiềm năng và lợi thế để trở thành khu kinh tế động lực của vùng Tây Nguyên. Để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn của tỉnh cho sự phát triển toàn diện, bền vững của địa phương, làm cơ sở cho việc quản lý và đầu tư phát triển, cụ thể:

- Vị trí chiến lược:

Lâm Đồng là 1 trong 5 tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, có mối quan hệ gắn bó với vùng Đông Nam Bộ, vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; là cửa ngõ nằm trên tuyến đường của các tỉnh Nam Tây Nguyên thông ra biển. Khoảng cách từ tỉnh Lâm Đồng đến các trung tâm kinh tế: cách thành phố Hồ Chí Minh 300 km, Khánh Hòa 100 km, Ninh Thuận 110 km, Bình Thuận 220 km, Buôn Mê Thuột - Trung tâm vùng Tây Nguyên 210 km:

Giao thông đường bộ: Lâm Đồng có hệ thống giao thông phát triển gồm các quốc lộ 20, 27, 27C, 28, 55 nối Lâm Đồng với các thành phố như: Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Nha Trang, Gia Nghĩa, Phan Thiết, Buôn Ma Thuột, Phan Rang Tháp Chàm, Cam Ranh và các cụm cảng Thị Vải, Cái Mép, Cam Ranh, Vĩnh Tân (Bình Thuận). Và có các tỉnh lộ: 721, 722, 723, 724, 725 nối liền Lâm Đồng với các tỉnh Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Giao thông hàng không: Có Sân bay quốc tế Liên Khương cách thành phố Đà Lạt 30 km về hướng Nam với các chuyến bay nội địa mỗi ngày tới Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố: Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Huế, Vinh, Phú Quốc; tỉnh Thanh Hóa và ngược lại. Ngoài ra, còn khai thác các đường bay quốc tế đến Vũ Hán - Trung Quốc; Bangkok - Thái Lan; Seoul - Hàn Quốc; Kualalampua - Malaysia và ngược lại.

¹⁵ Văn bản số 306/STNMT-CCQLĐĐ ngày 24/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Nông.

¹⁶ Văn bản số 741/CAT-PC06 ngày 14/4/2025 của Công an tỉnh Đắk Nông.

- Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng của cả nước và khu vực:

Du lịch - dịch vụ của tỉnh Lâm Đồng dần khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn, chủ lực trong phát triển kinh tế, hàng năm đón trên 6 triệu lượt khách. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ - du lịch chiếm trên 68% cơ cấu các ngành kinh tế địa phương.

Thành phố Đà Lạt 2 lần được công nhận là “Thành phố du lịch sạch ASEAN” (năm 2020 và 2022), chính thức gia nhập mạng lưới các Thành phố sáng tạo toàn cầu của UNESCO trong lĩnh vực Âm nhạc ngày 31/10/2023; được Hiệp hội Festival và Sự kiện quốc tế - khu vực châu Á trao tặng giải thưởng “Festival Hoa châu Á và du lịch sinh thái năm 2024”... Thành phố Đà Lạt được mệnh danh là thành phố Festival Hoa bởi nơi đây có nhiều giống hoa bản địa và ngoại nhập đa dạng, phong phú nở quanh năm; riêng hoa anh đào nở rộ vào mùa xuân tạo nên nét riêng cho thành phố ngàn hoa. Với trên 22.000 ha rừng thông, hàng chục thác nước, hồ lớn có sinh cảnh đẹp là danh thắng cấp quốc gia, hàng ngàn dinh thự, biệt điện cổ nổi tiếng cùng với các làng hoa truyền thống đã hình thành nên 35 khu điểm du lịch, 60 điểm tham quan miễn phí, 3 sân golf và Khu du lịch Quốc gia hồ Tuyền Lâm với trên 3.000 ha.

Toàn tỉnh có trên 2.500 cơ sở lưu trú du lịch với trên 29.400 phòng; trong đó, có 40 khách sạn cao cấp từ 3 - 5 sao với trên 3.900 phòng. Có 51 đơn vị kinh doanh lữ hành - vận chuyển du lịch; trong đó, có 32 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế, 19 đơn vị kinh doanh lữ hành nội địa.

Bên cạnh đó, Lâm Đồng còn sở hữu nhiều văn hóa phi vật thể như không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên, Mộc bản Triều Nguyễn, Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Langbiang và các hoạt động văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đã tạo ra nhiều sản phẩm du lịch độc đáo.

- Tiềm năng phát triển nông lâm nghiệp:

Hiện nay, Lâm Đồng được đánh giá là địa phương dẫn đầu cả nước về diện tích ứng dụng công nghệ cao và trở thành “điểm sáng” về sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của cả nước với diện tích trên 60.200 ha, chiếm 20% diện tích đất canh tác. Cùng với những mô hình nông nghiệp công nghệ cao được trồng trong nhà kính, nhà lưới, bằng hệ thống tưới tự động, thông minh, phương thức canh tác thủy canh và nhiều giống cây trồng mới mang tính ưu việt đã đưa nông sản Lâm Đồng với Thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kì diệu từ đất lành” tiến xa hơn trên thị trường trong và ngoài nước.

Tổng diện tích gieo trồng cả năm 2020 đạt trên 386.000 ha. Vùng chuyên canh rau trên 70.000 ha, đạt sản lượng 2,57 triệu tấn. Vùng chuyên canh hoa trên 9.300 ha, sản lượng thu hoạch trên 3,65 tỷ cành; Vùng chè trên 12.000 ha, sản lượng thu hoạch trên 174.000 tấn. Vùng chuyên canh cà phê trên 174.000 ha, sản lượng thu hoạch đạt trên 516.000 tấn/năm, trong đó trên 17.000ha cà phê Arabica,

sản lượng trên 50.000 tấn được tập đoàn Starbucks tại Mỹ đưa vào hệ thống phân phối trên toàn cầu...

Về Lâm nghiệp, Lâm Đồng có trên 597.000 ha rừng đa dạng sinh học đã hình thành nên vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà với trên 700 km² và Vườn Quốc gia Cát Tiên rộng gần 273 km² để phục vụ cho phát triển kinh tế lâm nghiệp và phát triển du lịch.

- Tiềm năng phát triển công nghiệp:

Lâm Đồng có nguồn tài nguyên khoáng sản khá đa dạng, bao gồm: bauxite, đá granite, than bùn, trong đó, nổi bật nhất là quặng bauxite với trữ lượng trên một tỷ tấn. Tỉnh hiện có 381 điểm quặng và các mỏ vàng, 7 điểm saphi, 38 điểm mỏ nước khoáng tại các huyện Lạc Dương, Đức Trọng và Đạ Huoai. Mặt khác, Lâm Đồng nằm trong hệ thống sông Đồng Nai nên có nguồn tài nguyên nước rất phong phú và tiềm năng thủy điện rất lớn...

Toàn tỉnh 02 khu công nghiệp: Lộc Sơn và Phú Hội và 06 cụm công nghiệp. Tại 2 khu công nghiệp đã thu hút 81 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 4.616 tỷ đồng và 102,91 triệu USD, diện tích sử dụng đất trên 168 ha; tỷ lệ lấp đầy tại Khu công nghiệp Lộc Sơn 80%, Phú Hội 100%, các cụm công nghiệp 52%. Đã hình thành một số dự án mới, sản phẩm mới như: Nhà máy Bia Sài Gòn - Lâm Đồng công suất 100 triệu lít/năm, đóng góp ngân sách khoảng 1.000 tỷ đồng/năm; nhà máy sợi len lông cừu khoảng 1.000 tỷ đồng, công suất 4.000 tấn/năm, xuất khẩu 50% sản lượng; tổ hợp Bô xít Nhôm hoạt động vượt công suất thiết kế; Nhà máy sản xuất dược phẩm Nanogen tiêu chuẩn Châu Âu, công suất thiết kế 332 triệu sản phẩm/năm.

Tổng số dự án dự án đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh là 977 dự án (trong đó, đầu tư trong nước 871 dự án, đầu tư nước ngoài 106 dự án) với số vốn đăng ký đầu tư trên 129 nghìn tỷ đồng, diện tích trên 69.700 ha.

- Lợi thế về công nghệ thông tin và chính quyền số:

Lâm Đồng đang triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số, có cơ sở dữ liệu dân cư, hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn diện. Có thể làm trung tâm điều hành chính quyền số cấp vùng, hỗ trợ kết nối và đồng bộ hóa giữa các tỉnh. Tác động của kinh tế số, xu thế phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xu hướng chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ là tiền đề tạo ra sự đổi mới, sáng tạo... Đây là nhân tố mới thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của tỉnh trong thời gian tới.

3.2. Tỉnh Bình Thuận

Bình Thuận là một trong 28 tỉnh, thành phố giáp biển của cả nước, có lịch sử hình thành lâu đời, có đầy đủ các điều kiện tự nhiên, tài nguyên, nguồn lực, tiềm năng, lợi thế vị trí địa lý để đầu tư phát triển toàn diện, nhanh và bền vững trên các lĩnh vực: Công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, kinh tế biển, dịch vụ logistics,... Đến

nay, trên địa bàn tỉnh có 1.635 dự án đầu tư còn hiệu lực. Trong đó: 1.263 dự án đã triển khai đưa vào hoạt động, chiếm tỷ lệ 77,25%; 44 dự án mới được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai theo tiến độ, chiếm tỷ lệ 2,69%; 56 dự án đang triển khai xây dựng theo đúng tiến độ, chiếm tỷ lệ 3,42%; 272 dự án chậm triển khai, chiếm tỷ lệ 16,64%.

- *Vị trí chiến lược:* Bình Thuận có vị trí mang tầm chiến lược, là “cửa ngõ, cầu nối” trung chuyển liên kết vùng trong khu vực với Đông Nam Bộ (đặc biệt vùng động lực phía Nam) - Duyên hải Nam Trung Bộ - Tây Nguyên. Có khoảng cách không quá xa với Thành phố Hồ Chí Minh (cách 200 km); cách thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, trung tâm du lịch lớn của cả nước khoảng 250 km. Hạ tầng giao thông đối ngoại, đối nội được đầu tư cơ bản hoàn thiện với hệ thống đường Quốc lộ 1, đường bộ cao tốc, đường sắt chạy ngang qua địa bàn tỉnh; hệ thống quốc lộ kết nối với Tây Nguyên (55, 28, 28B), đường ven biển đã và đang được hoàn thiện (706B, 719, 719B,...); Cảng quốc tế Vĩnh Tân; Cảng hàng không Phan Thiết đang hoàn thành thủ tục đầu tư phần BOT. Sở hữu điều kiện tự nhiên đặc thù với bờ biển dài 192 km, đặc biệt có huyện đảo Phú Quý (bao gồm 12 đảo lớn nhỏ) và đảo Cù Lao Câu.

- *Về lợi thế nguồn nước và biển:*

Toàn tỉnh có 78 hệ thống công trình thủy lợi, trong đó có tổng cộng 49 hồ chứa (kể cả các ao bầu, hồ chứa nước nhỏ) có dung tích chứa khoảng 442 triệu m³ nước; 132 đập dâng; tổng chiều dài hệ thống kênh là 4.069 km. Nhiều sông suối bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh thuộc Lâm Đồng đã chảy qua Bình Thuận để ra biển. Tính chung, các đoạn sông qua Bình Thuận có tổng chiều dài 663 km, trong đó có sông Cà Ty (76 km), sông La Ngà (74 km), sông Quao (63 km), sông Lòng Sông (43 km), sông Phan (40 km), sông Mao (29 km) và sông Luỹ (25 km).

Tổng số tàu cá toàn tỉnh đã cấp đăng ký đến ngày 31/12/2024 là 8.605 chiếc, trong đó tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên là 2.022 chiếc. Duy trì hoạt động 129 tổ đoàn kết/982 thuyền/4.910 lao động và 05 nghiệp đoàn nghề cá. Nuôi trồng thủy sản phát triển, đặc biệt sản lượng tôm giống năm 2024 đạt 25,5 tỷ post cung cấp cho cả nước. Sản lượng sản phẩm thủy sản chế biến năm 2024 đạt 47.400 tấn/KH 49.100 tấn, sản lượng nước mắm ước đạt 40,4 triệu lít. Bình Thuận có vùng lãnh hải rộng 52 nghìn km² nên Bình Thuận là một trong ba ngư trường lớn của Việt Nam với trữ lượng khai thác đánh bắt hải sản đạt 240.000 tấn hải sản các loại, là điều kiện chế biến thủy sản xuất khẩu. Sò điệp là đặc sản của biển Bình Thuận, tập trung ở 4 bãi chính là: La Khê, Hòn Rơm, Hòn Cau và Phan Rí, cho phép đánh bắt 25-30 nghìn tấn/năm.

- *Về lợi thế nông - lâm nghiệp:*

Tỉnh Bình Thuận có 151.300 ha đất canh tác nông nghiệp, trong đó có trên 50.000 ha đất lúa. Sẽ phát triển thêm 100.000 ha đất sản xuất nông nghiệp. Chăn

nuôi gia súc, gia cầm khá phát triển. Đang đầu tư để hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả với: diện tích thanh long toàn tỉnh 25.800 ha, sản lượng thu hoạch đạt 560.000 tấn; diện tích cây điều toàn tỉnh 16.636 ha với sản lượng thu hoạch đạt 12.500 tấn; 15.000 ha bông vải; 45.100 ha cao su, với sản lượng mủ thu hoạch đạt 67.500 tấn; 2.000 ha tiêu. Đây là nguồn nguyên liệu dồi dào để phát triển các ngành công nghiệp chế biến từ cây công nghiệp, lương thực, thực phẩm... Với diện tích 400.000 ha rừng và đất lâm nghiệp, trữ lượng gỗ 25 triệu m³ và thảm cỏ là tiền đề thuận lợi để lập các nhà máy chế biến gỗ và phát triển các trang trại chăn nuôi đại gia súc và lập nhà máy chế biến thịt bò, heo... Trong vài năm trở lại đây, diện tích cây điều bị sụt giảm đáng kể do giá hạt điều bị giảm, cây thanh long và cây cao su liên tục tăng diện tích.

- Về lợi thế khoáng sản:

Bình Thuận có nguồn tài nguyên khoáng sản khá đa dạng về chủng loại và nguồn gốc, những loại có trữ lượng cao không nhiều và phân bố không đồng đều. Về chủng loại. Khoáng sản chủ yếu gồm có: Titan sa khoáng, thiếc, vàng, bauxite, cát thủy tinh, than bùn, bentonit, soda, nước khoáng và khoáng sản làm VLXD... trong đó, trữ lượng và tài nguyên titan được đánh giá lớn nhất cả nước với tổng tài nguyên và trữ lượng khoảng 599 triệu tấn (chiếm khoảng 92% lượng titan sa khoáng ở Việt Nam).

Nước khoáng thiên nhiên bicarbonat: hơn 10 mỏ trữ lượng cao, chất lượng tốt (trong đó có cả mỏ nước khoáng nóng 700°C) có thể khai thác trên 300 triệu lít/năm. Trong đó, 2 mỏ đang được khai thác và kinh doanh đó là Vĩnh Hảo và Đa Kai.

Cát thủy tinh: 4 mỏ ở Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình và Hàm Tân với trữ lượng trên 500 triệu m³, chất lượng đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu, phù hợp để sản xuất thủy tinh cao cấp, kính xây dựng, gạch thủy tinh.

Đá granit: trữ lượng rất lớn, phân bố khắp nơi.

Sét bentonit: dùng trong công nghiệp hóa chất và khai thác dầu mỏ, trữ lượng khoảng 20 triệu tấn. Quặng Sa khoáng nặng để sản xuất titan, zircon, trữ lượng khoảng một triệu tấn. Tại Vĩnh Hảo có diện tích trên 1.000 ha, sản lượng 150.000 tấn/năm...

Zircon 4 triệu tấn dẫn đầu cả nước về trữ lượng này.

Dầu khí đang được xem là thế mạnh kinh tế mới của tỉnh Bình Thuận, với nhiều mỏ dầu có trữ lượng lớn đã được phát hiện cách đất liền 60 km; có 3 mỏ dầu Rạng Đông, Sư Tử Đen và Rubi đang khai thác. Hai mỏ: Sư Tử Trắng và Sư Tử Vàng chuẩn bị khai thác. Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đang quan tâm đầu tư phát triển công nghiệp dầu khí tại Bình Thuận để hình thành trung tâm dự trữ dầu mỏ nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và xuất khẩu.

- Về lợi thế phát triển du lịch:

Bình Thuận có bề dày lịch sử, văn hoá lâu đời, nhất là văn hoá Chăm pa với nhóm di tích Tháp Po Sah Inur, đền thờ Po Klong Mohnai và hơn 100 bảo vật hoàng tộc Chăm nguyên gốc quý hiếm được bà Nguyễn Thị Thềm, hậu duệ vua Chăm lưu giữ, trong đó có vương miện, áo bào, hia hải, vòng xuyên của vua và hoàng hậu.

Bình Thuận với khí hậu ôn hòa, nắng ấm quanh năm, có bờ biển dài 192km, là 1 trong 5 tỉnh có đường bờ biển dài nhất Việt Nam với nhiều bãi biển đẹp, nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, di tích văn hóa nổi tiếng, như: núi Ông, núi Tà Cú, khu bảo tồn biển đảo Phú Quý, Cù Lao Câu đa dạng sinh học; có cảnh quan đặc trưng nổi tiếng như: Đồi cát bay Mũi Né, Bàu Trắng, Mũi Kê Gà, Suối Tiên, Thác Bà, Bãi đá Bảy màu... và các tài nguyên nhân văn đa dạng như: Tháp Po Sah Inur, Trường Dục Thanh, Vạn Thủy Tú, Dinh Thầy Thím, Cổ Thạch Tự... Bình Thuận cũng có nhiều lễ hội văn hóa đặc trưng mang tầm quốc gia như: lễ hội Katê của đồng bào Chăm, lễ hội Nghinh Ông của cộng đồng người Hoa Phan Thiết, lễ hội Cầu ngư ở Vạn Thủy Tú Phan Thiết, lễ hội Dinh Thầy Thím ở La Gi... Bên cạnh đó, Bình Thuận có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú gắn với biển, đảo, hồ, thác, rừng, cùng với hàng chục các di tích lịch sử văn hóa, cách mạng, nhiều nghề thủ công truyền thống và những nét riêng, tinh tế của nghệ thuật ẩm thực được hòa quyện, đan xen của 35 dân tộc đã tạo cho Bình Thuận sức hấp dẫn về du lịch.

Về hạ tầng phát triển du lịch: Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 372 dự án du lịch còn hiệu lực, với tổng diện tích đất cấp 5.609 ha và tổng vốn đầu tư 1.322.338 tỷ đồng; trong đó có 21 dự án đầu tư nước ngoài với tổng diện tích đất cấp 1.576 ha và tổng vốn đầu tư là 11.357 tỷ đồng; 351 dự án đầu tư trong nước với tổng diện tích đất cấp là 4.032 ha và tổng vốn đăng ký là: 1.310.980 tỷ đồng. Tổng số dự án đã đi vào hoạt động là 210 dự án. Toàn tỉnh hiện 663 cơ sở lưu trú du lịch với tổng số 20.475 phòng. Đã xếp hạng 64 cơ sở lưu trú với 5.870 phòng (5 sao 04 cơ sở, với 960 phòng; 4 sao 28 cơ sở, với 3.147 phòng; 3 sao 16 cơ sở, với 1.177 phòng; 2 sao 10 cơ sở, với 412 phòng; 1 sao 06 cơ sở, với 174 phòng); loại hình khách sạn 224 cơ sở, với 9.659 phòng; nhà nghỉ 243 cơ sở với 3.449 phòng; nhà ở có phòng cho thuê 131 cơ sở, với 1.441 phòng; 1057 căn hộ và 462 biệt thự và 01 bãi cắm trại du lịch với 50 phòng, lều; qua đó đã mang lại những trải nghiệm tốt nhất cho du khách khi đến tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng tại Bình Thuận. Hiện có 33 đơn vị hoạt động kinh doanh lữ hành được cấp giấy phép, trong đó có 13 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế, 20 doanh nghiệp lữ hành nội địa.

- Lợi thế phát triển công nghiệp:

Có vị trí địa lý thuận lợi giáp ranh với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đón nhận dịch chuyển đầu tư phát triển các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp và gần các cảng vận tải lớn như Cái Mép, Thị Vải,...

+ Về công nghiệp: Đến nay, tỉnh Bình Thuận có 09 Khu công nghiệp được

quy hoạch với tổng diện tích 3.003,43 ha, trong đó có 06 Khu công nghiệp đã và đang hoàn chỉnh hạ tầng (Khu công nghiệp: Phan Thiết giai đoạn 1, Phan Thiết giai đoạn 2, Hàm Kiệm I, Hàm Kiệm II, Sông Bình, Tuy Phong); 03 Khu công nghiệp: Sơn Mỹ 1, Sơn Mỹ 2 giai đoạn 1 và Tân Đức đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương, đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng.

+ Về cụm công nghiệp: Theo Phương án phát triển cụm công nghiệp được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27/12/2023, thì trên địa bàn tỉnh có 38 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 1.278,41 ha phân bố trên địa bàn 10 huyện, thị xã, thành phố. Đến nay, có 27 cụm công nghiệp được thành lập, trong đó 14 cụm công nghiệp có nhà đầu tư hạ tầng là doanh nghiệp đã và đang triển khai đầu tư hạ tầng. Lũy kế đến nay, các cụm công nghiệp thu hút, bố trí 178 dự án thứ cấp với tổng diện tích 309,03 ha, chiếm 40,76% diện tích đất công nghiệp của các cụm.

+ Về năng lượng, điện: Bình Thuận hiện có 47 nhà máy điện đang hoạt động phát điện với tổng công suất 6.479,58 MW (trong đó có 04 nhà máy nhiệt điện (than) thuộc Trung tâm điện lực Vĩnh Tân, tổng công suất 4.284 MW, chiếm 66,12% tổng công suất nguồn điện toàn tỉnh). Đồng thời, có tiềm năng rất lớn về phát triển năng lượng sạch.

3.3. Tỉnh Đắk Nông

Đắk Nông nằm ở vùng Tây Nguyên, có chức năng và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng không những trong tỉnh mà còn của khu vực và cả nước, với điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai, khoáng sản thì Đắk Nông nhiều tiềm năng lợi thế nổi bật để phát triển về công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, cùng với việc Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời tỉnh Đắk Nông cũng đã xác định tập trung phát triển 03 trụ cột kinh tế là công nghiệp khai khoáng, năng lượng tái tạo; nông nghiệp công nghệ cao và du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

- Vị trí chiến lược:

Đắk Nông có diện tích đất đai lớn và nguồn tài nguyên phong phú, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên, tập trung vào việc phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực, như: Cà phê, sầu riêng, cao su, tiêu và các loại cây ăn quả; quan tâm đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến nông sản, khai thác khoáng sản và phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời; phát triển các ngành dịch vụ, du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO

Đắk Nông, tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển thương mại, đặc biệt là các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Nguồn tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản phong phú:

Đắk Nông sở hữu khoảng 1,784 tỷ tấn bô xít, chiếm khoảng 57% tổng trữ lượng bô xít Việt Nam, lớn nhất Việt Nam với diện tích quy hoạch khai thác bô xít tại tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là hơn 179.597 ha, chiếm gần 27% diện tích tự nhiên của tỉnh. Ngoài ra, Đắk Nông có tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái các khu rừng tự nhiên, rừng đặc dụng và các loài động, thực vật quý hiếm. Tỉnh cũng đã thực hiện các dự án trồng rừng, bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng các mô hình nông nghiệp, công nghiệp và du lịch phát triển bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Lợi thế đất đai và không gian:

Đắk Nông có tiềm năng, lợi thế về diện tích đất đai và không gian cho nhu cầu phát triển các ngành và lĩnh vực đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên, tập trung vào việc phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực, như: Cà phê, sầu riêng, cao su, tiêu và các loại cây ăn quả; quan tâm đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến nông sản, khai thác khoáng sản và phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời; phát triển các ngành dịch vụ, du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển thương mại, đặc biệt là các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Đảm bảo an ninh, quốc phòng:

Tỉnh Đắk Nông có vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực Tây Nguyên, có đường biên giới với Campuchia, do đó tỉnh có chức năng quan trọng trong công tác bảo vệ an ninh Quốc gia, trật tự xã hội và an toàn biên giới; quản lý và điều hành các hoạt động an ninh trong tỉnh, phòng chống tội phạm, bảo vệ trật tự xã hội và xử lý các tình huống an ninh khẩn cấp.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội⁽¹⁷⁾, quốc phòng, an ninh

4.1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

¹⁷ Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2025 của 3 tỉnh, gồm:

- Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 06/01/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Báo cáo số 276/BC-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận;
- Báo cáo số 746/BC-UBND ngày 21/11/2024 và Báo cáo số 808/BC-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông.

**CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024
CỦA CÁC TỈNH: LÂM ĐỒNG, BÌNH THUẬN, ĐẮK NÔNG**

STT	CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI (so sánh năm 2023)	ĐƠN VỊ TÍNH	TỈNH		
			LÂM ĐỒNG	BÌNH THUẬN	ĐẮK NÔNG
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024	triệu đồng	134.289.277	128.783.104	56.806.458
	Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024	%	4,02	7,25	4,87
	Tỷ lệ cơ cấu kinh tế ngành				
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	42,54	23,61	45,23
	Công nghiệp, xây dựng	%	18,87	38,45	18,17
	Dịch vụ	%	38,59	32,82	33,06
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	-	5,12	3,54
2	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng/người/năm	98,96	101,7	81,66
	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng	66,7	58,6	45,2
	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	%	14,47	5,93	7,75
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đến hết năm 2024 trong GRDP	%	26,50	38,25	33
4	Thu ngân sách nhà nước đến ngày 31/12/2024	triệu đồng	13.168.875	10.850.265	3.171.168
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu (so với cùng kỳ)	triệu USD	985,8	1.011,8	1.045,3
		%	6,1	12,24	18,6
6	Tổng lượng khách du lịch qua đăng ký lưu trú	Nghìn lượt khách	7.600	9.860	289,5
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	82	74	17,91
8	Tỷ lệ thất nghiệp	%	0,53	1,28	0,63
9	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%	1,97	4,44	2,99
	Tỷ lệ nghèo đa chiều vùng dân tộc thiểu số	%	5,47	14,03	10,27

STT	CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI (so sánh năm 2023)	ĐƠN VỊ TÍNH	TỈNH		
			LÂM ĐỒNG	BÌNH THUẬN	ĐẮK NÔNG
10	Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân	%	94,2	93,55	93,75
11	Số bác sĩ/vạn dân	Người	9,1	8,7	8,7
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	22,98	30,9	20,6
12	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1	0,59	1,23
13	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia đạt	%	83,2	51,22	67,5
14	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	91,8	88	88,2
15	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý	%	95,6	90	70
16	Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch	%	78	72	54
	Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97,8	99	94
17	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54,37	43	39,5
18	Xây dựng nông thôn mới				
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	106/106	77/93	45/60
	Xã nông thôn mới nâng cao	Xã	41	12	09
	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	16	04	02
	Huyện đạt chuẩn /T.phố hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới	Huyện/ T.phố	05	02	0

4.2. Tình hình quốc phòng, an ninh

4.2.1. Tỉnh Lâm Đồng

Quốc phòng, an ninh trong những năm qua tiếp tục được giữ vững. Lực lượng vũ trang luôn duy trì tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; sẵn sàng tham gia xử lý các tình huống về an ninh, trật tự, phòng, chống thiên tai. Đảm bảo tuyệt đối an ninh, an toàn các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế đến địa phương và các sự kiện quan trọng của địa phương; hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh.

Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm trong lĩnh vực đất đai, tài sản công, tài nguyên, môi trường, trật tự đô thị, xây dựng, công tác quản lý, bảo vệ rừng. Đã huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tham gia vào công tác phòng, chống tội phạm, góp phần kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội so với năm 2023...

4.2.2. Tỉnh Bình Thuận

Toàn tỉnh Bình Thuận nắm chắc và kiểm soát tốt tình hình địa bàn; chỉ đạo tổ chức và duy trì nghiêm các chế độ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an toàn các cao điểm. Thực hiện các kế hoạch quốc phòng, xây dựng kế hoạch và triển khai kịp thời các nội dung diễn tập khu vực phòng thủ năm 2024 theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Quân khu 7.

Triển khai kịp thời, quyết liệt, đồng bộ các kế hoạch, biện pháp công tác đảm bảo an ninh trật tự; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc từng bước được củng cố, nhân rộng và phát huy hiệu quả, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đã phát huy vai trò trên từng địa bàn. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, tăng cường kiểm tra theo chuyên đề về nồng độ cồn, ma túy đối với các phương tiện khi tham gia giao thông. Chú trọng công tác bảo đảm phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4.2.3. Tỉnh Đắk Nông

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương của tỉnh được triển khai thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Công tác diễn tập đạt kết quả tốt; chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp được duy trì nghiêm túc. Tiềm lực khu vực phòng thủ được tăng cường, củng cố. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công nhân nhập ngũ, giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tổ chức đóng quân canh phòng, tuần tra, kiểm soát địa bàn chặt chẽ; theo dõi nắm chắc tình hình, nhất là tình hình trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân hai bên biên giới hoạt động bình thường, chấp hành nghiêm các Hiệp định, quy chế biên giới đã ký kết. Lực lượng bảo vệ biên giới hai bên phối hợp tốt trong quản lý biên giới, đảm bảo ổn định, hòa bình, hữu nghị hai bên và trong khu vực biên giới. Phát huy tốt vai trò của lực lượng vũ trang trong thực hiện công tác quốc phòng, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật Nhà nước, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; góp phần giữ vững an ninh chính trị, xã hội.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ đối ngoại trên các mặt công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Duy trì tốt mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với lực lượng bảo vệ biên giới của Campuchia.

5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

5.1. Tỉnh Lâm Đồng

Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- UBND tỉnh được phép cho các nhà đầu tư kinh doanh bất động sản (trừ các dự án du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng) trong phạm vi thành phố Đà Lạt: Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng được phép chuyển nhượng dự án cho các đối tượng khác xây dựng nhà ở, công trình kiến trúc theo quy hoạch chung và dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn.

- Tỉnh Lâm Đồng được thuê tư vấn, chuyên gia có năng lực trong và ngoài nước lập một số quy hoạch phân khu chức năng đặc thù và kêu gọi đầu tư vào các đô thị vệ tinh, đô thị đối trọng cùng với kết nối giao thông công cộng của thành phố Đà Lạt theo Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được phê duyệt tại Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ tịch UBND tỉnh đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc miễn tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư xây dựng khu du lịch quốc gia và khu du lịch trọng điểm của thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 10 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Tỉnh Lâm Đồng được ưu tiên bố trí vốn từ nguồn ngân sách trung ương (bao gồm: Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức - ODA, trái phiếu Chính phủ, các chương trình hỗ trợ có mục tiêu, tín dụng ưu đãi Chính phủ), bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương trong kế hoạch hàng năm và giai đoạn để thực hiện các công trình, dự án trọng điểm phát triển thành phố Đà Lạt.

- Tỉnh Lâm Đồng được ưu tiên vay vốn ODA để đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng của thành phố Đà Lạt thuộc nhiệm vụ đầu tư của ngân sách địa phương.

- Việc ứng trước vốn kế hoạch từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ của năm sau để thực hiện các dự án hạ tầng quan trọng của thành phố Đà Lạt thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội. Trường hợp đặc biệt, UBND tỉnh báo cáo Chính phủ để xem xét, xử lý theo quy định.

- UBND tỉnh được vận động và thu hút vốn ODA, vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội về giao thông, xử lý rác thải, các công trình dịch vụ tiện ích, công trình công cộng cần thiết của thành phố Đà Lạt.

- UBND tỉnh được huy động vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong nước, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, vốn của các doanh nghiệp có chức năng xây dựng và kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật của thành phố Đà Lạt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

- Khuyến khích đầu tư theo hình thức BOT, BTO, PPP, BT (trừ các dự án BT bằng tiền),... đối với các công trình hạ tầng thuộc nhiệm vụ đầu tư của ngân sách nhà nước.

- UBND tỉnh được vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ để thực hiện các dự án trọng điểm của thành phố Đà Lạt thuộc nhiệm vụ đầu tư của ngân sách địa phương. Việc cho vay lại, quản lý và sử dụng nguồn vay lại, hoàn trả vốn vay thực hiện theo quy định của pháp luật.

- UBND tỉnh được thực hiện việc thu hồi đất đối với dự án nông nghiệp công nghệ cao tập trung đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Tỉnh Lâm Đồng được thí điểm xây dựng mô hình “làng đô thị xanh” (green village) tại thành phố Đà Lạt theo Đồ án quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Được Trung ương đầu tư hoặc dựa vào danh mục ưu tiên kêu gọi đầu tư của Trung ương; đồng thời, UBND tỉnh được trực tiếp kêu gọi đầu tư đối với các công trình, dự án quan trọng thuộc lĩnh vực môi trường, các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng. Khu du lịch quốc gia và Khu du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh, Khu Công nghệ sinh học và Nông nghiệp công nghệ cao Đà Lạt, Khu Công nghệ thông tin tập trung Đà Lạt, đã được đưa vào danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5.2. Tỉnh Bình Thuận

5.2.1. Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 14/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận, cụ thể:

a) Nhà nước ưu tiên dành vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở 3 xã Tam Thanh, Ngũ Phụng, Long Hải và thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 257/2003/QĐ-TTg ngày 03/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Việc hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện như sau:

- Ngân sách trung ương: Ưu tiên bố trí vốn từ nguồn ngân sách trung ương (bao gồm: nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), trái phiếu Chính phủ, Chương trình Biển Đông - Hải đảo và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác, tín

dụng ưu đãi Chính phủ) thông qua các Bộ, cơ quan Trung ương hoặc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện đầu tư các dự án quan trọng trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng trên đảo Phú Quý gồm:

- + Dự án nâng cấp sân bay Phú Quý.
- + Dự án nâng cấp, mở rộng cảng Triều Dương (cảng Phú Quý) giai đoạn II.
- + Các dự án phát triển thông tin - liên lạc viễn thông.
- + Dự án nâng cấp, xây dựng các đường giao thông chính trên đảo (mở rộng, nâng cấp đường vành đai bao quanh đảo, các đường trục chính xuyên đảo Bắc - Nam, Đông - Tây).
- + Các dự án về phát triển năng lượng (chú trọng năng lượng tái tạo), cấp điện và chiếu sáng.
- + Các dự án thăm dò, khai thác, phân phối và cấp nước sạch, dự án thoát nước, xử lý nước thải và tái sử dụng nước thải, xử lý chất thải.
- + Dự án xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão, dự án xây dựng trung tâm thông tin nghề cá, dự án xây dựng trung tâm kiểm ngư.
- + Các dự án trồng rừng và bảo vệ môi trường.
- Ngân sách địa phương: Ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các dự án quan trọng khác, gồm:
 - + Các dự án đầu tư kiên cố hoá và xây dựng trường học phổ thông các cấp, xây dựng trung tâm dạy nghề huyện, xây dựng bệnh viện quân dân y kết hợp, nâng cấp trạm y tế xã, xây dựng các công trình văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao, các cơ quan hành chính, sự nghiệp.
 - + Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị (Trung tâm huyện lỵ trên địa bàn xã Ngũ Phụng), hạ tầng nghề cá (trong khu vực cảng Triều Dương và các công trình phục vụ cho Trung tâm thông tin nghề cá và Khu neo đậu tàu, thuyền né, tránh bão) và hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp (Khu công nghiệp Phú Quý gắn với cảng Triều Dương).
 - + Các dự án xây dựng hệ thống giao thông nhánh, đường liên xã.
 - + Các dự án hỗ trợ chuyển giao và áp dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực cấp điện, cấp nước, viễn thông, chế biến hải sản, bảo vệ nguồn lợi hải sản, xây dựng, giao thông, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường; kè chống xói lở và xâm thực bờ biển đảo Phú Quý.
- Về việc bố trí vốn:
 - + Đối với nguồn ngân sách trung ương: căn cứ vào khả năng ngân sách trung ương, hàng năm Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, bố trí trong dự toán ngân sách của các Bộ, cơ quan liên quan; hỗ trợ có mục tiêu từ

ngân sách trung ương cho tỉnh Bình Thuận báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội quyết định theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan.

+ Đối với ngân sách địa phương: cần ưu tiên bố trí cho một số dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại huyện đảo Phú Quý.

b) Chính sách khuyến khích và ưu đãi đối với các thành phần kinh tế đầu tư vào huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận như sau:

- Các dự án đầu tư vào đảo Phú Quý được hưởng các ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Hợp tác xã, các quy định khác của pháp luật về thuế và các ưu đãi khác theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

- Các dự án đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài vào đảo Phú Quý được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm, kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

- Các dự án đầu tư trên địa bàn đảo Phú Quý được ưu đãi về tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển và sử dụng đất như sau:

+ Được miễn tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển theo quy định của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và các quy định của pháp luật về đất đai.

+ Được miễn tiền sử dụng đất, mặt nước, mặt biển để thực hiện các dự án đầu tư trong trường hợp giao đất phải trả tiền sử dụng đất.

- Các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh tại đảo Phú Quý thuộc đối tượng được hưởng các loại hình tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các dự án đầu tư trên đảo Phú Quý thuộc đối tượng được hưởng các loại hình tín dụng ưu đãi của Nhà nước theo quy định hiện hành được ưu tiên bố trí vốn để thực hiện.

- Các dự án đầu tư kinh doanh du lịch tại đảo Phú Quý được hưởng các cơ chế, chính sách như dự án đầu tư vào khu du lịch Quốc gia thuộc ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Đối với các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có khả năng thu hồi vốn, UBND tỉnh Bình Thuận quyết định huy động đầu tư theo các hình thức BOT, BTO, BT, phát hành trái phiếu công trình theo quy định của pháp luật.

- Các tổ chức tín dụng trong nước, ngân hàng liên doanh với nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam được mở chi nhánh trên đảo Phú Quý để thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ được phép khác đối với các hoạt động kinh tế trên đảo Phú Quý theo quy định của pháp luật.

- Ngoài những ưu đãi được hưởng theo quy định tại Quyết định này, các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài vào đảo Phú Quý thuộc các lĩnh vực công nghệ cao được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu công nghệ cao và các dự án được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận Dự án công nghiệp kỹ thuật cao thì được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án.

- Các nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu để tạo tài sản cố định, gồm máy móc, thiết bị, linh kiện, nguyên vật liệu mà trong nước chưa sản xuất được dùng để chế tạo thiết bị, máy móc trong dây chuyền sản xuất và các tài sản cố định khác phục vụ sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ trên địa bàn đảo Phú Quý. Riêng dự án BOT còn được miễn thuế nhập khẩu đối với nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để phục vụ sản xuất, vận hành công trình, cơ chế ưu đãi trên được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế đổi mới công nghệ.

- Các dự án đầu tư vào đảo Phú Quý có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của Đảo và tác động lớn đến khu vực ảnh hưởng của đảo Phú Quý được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, gồm:

+ Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất và cung cấp điện, năng lượng tái tạo.

+ Các dự án vận tải từ đất liền ra đảo Phú Quý và ngược lại.

+ Các dự án về tạo nguồn và cung cấp nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên đảo Phú Quý.

+ Các dự án về bảo vệ môi trường.

- Áp dụng chính sách một giá đối với hàng hoá và dịch vụ cho các tổ chức và cá nhân, không phân biệt trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại đảo Phú Quý.

c) Những quy định khác liên quan đến hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, du lịch, dịch vụ trên đảo Phú Quý không quy định trong Quyết định này, được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Hải quan, Luật Đất đai, Luật Thương mại, các luật thuế khác và các văn

bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều ước Quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Đối với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài đã có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trên đảo Phú Quý trước ngày ban hành Quyết định này thì được phép hưởng ưu đãi cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Khi các cơ chế, chính sách mới ưu đãi hơn được ban hành thì được áp dụng cho đảo Phú Quý.

5.2.2. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, Tỉnh Bình Thuận có 03 xã, gồm: xã La Dạ thuộc huyện Hàm Thuận Bắc; xã Mỹ Thạnh thuộc huyện Hàm Thuận Nam; xã La Ngâu thuộc huyện Tánh Linh.

5.2.3. Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận, cụ thể: công nhận 04 xã, gồm: xã Tam Thanh, xã Ngũ Phụng, xã Long Hải thuộc huyện Phú Quý và xã Phước Thê thuộc huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận là xã đảo. Các xã trên được thực hiện chính sách ưu đãi đối với xã đảo theo các quy định hiện hành.

5.3. Tỉnh Đắk Nông

5.3.1. Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Công văn số 2640/BNV-TL ngày 03/7/2006 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp đặc biệt và phụ cấp khu vực; Công văn số 1786/BNV-TL ngày 17/6/2008 của Bộ Nội vụ về việc phụ cấp khu vực và phụ cấp đặc biệt, tỉnh Đắk Nông có 07 xã có đường biên giới quốc gia tiếp giáp với Campuchia, là địa bàn có vị trí đặc biệt quan trọng trong công tác bảo vệ an ninh biên giới, bảo vệ chủ quyền Quốc gia, bao gồm: xã Quảng Trực, xã Đắk Búk So thuộc huyện Tuy Đức; xã Đắk Lao, xã Thuận An thuộc huyện Đắk Mil; xã Thuận Hà, xã Thuận Hạnh thuộc huyện Đắk Song; xã Đắk Wil huyện Cư Jút thực hiện các chính sách vùng biên giới. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang công tác tại các xã trên được hưởng 50% chế độ phụ cấp đặc biệt.

5.3.2. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Tỉnh Đắk Nông có 12 xã, gồm: các xã Đắk R'Tih, Quảng Tân, Quảng Trực, Đắk Ngo, Quảng Tâm thuộc huyện Tuy Đức; các xã Quảng Khê, Đắk Som, Đắk P'lao, Đắk R'Măng, Quảng Sơn, Đắk Ha, Quảng Hòa thuộc huyện Đắk Glong.

5.3.3. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025; tỉnh Đắk Nông có 02 huyện nghèo gồm: huyện Tuy Đức và huyện Đắk Glong.

6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn (cấp tỉnh)

6.1. Tỉnh Lâm Đồng

6.1.1. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

a) Tỉnh ủy Lâm Đồng:

Hiện có 665 tổ chức cơ sở Đảng với 50.180 đảng viên; Ban Chấp hành hiện có 40/51 đồng chí, Ban Thường vụ: 12/15 đồng chí.

(1) Thường trực Tỉnh ủy: 04 đồng chí (Quyền Bí thư Tỉnh ủy, 01 Phó Bí thư Thường trực kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh, 01 Phó Bí thư và 01 Phó Bí thư kiêm Chủ tịch UBND tỉnh).

(2) 05 Ban Đảng (Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính, Văn phòng Tỉnh ủy).

(3) 02 Đảng ủy trực thuộc: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh.

b) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

(1) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(2) Tổ chức chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh; Tỉnh đoàn; Liên đoàn Lao động.

c) Đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy: 02 Đơn vị sự nghiệp: Báo Lâm Đồng; Trường Chính trị tỉnh.

Ngoài ra, còn có 01 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi trực thuộc Tỉnh đoàn.

d) Về cán bộ, công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

- Biên chế cán bộ, công chức được giao năm 2025: 441 biên chế.

- Số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 383 người.

6.1.2. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước

6.1.2.1. Chính quyền địa phương cấp tỉnh

- Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh:

Hiện có 59 đại biểu HĐND tỉnh.

(1) 01 Phó Bí thư thường trực kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh; 02 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; (2) 04 Ban, gồm: Ban Văn hoá - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc, Ban Kinh tế - Ngân sách, với tổng số cán bộ là 10 người.

- UBND tỉnh:

Hiện có Chủ tịch UBND tỉnh; 03 Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

6.1.2.2. Các tổ chức hành chính cấp tỉnh

a) Về tổ chức bộ máy:

Tỉnh Lâm Đồng có 15 tổ chức hành chính cấp tỉnh, cụ thể:

- 13 cơ quan chuyên môn gồm:

- (1) Văn phòng UBND tỉnh.
- (2) Sở Nội vụ.
- (3) Sở Tài chính.
- (4) Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- (5) Sở Công Thương.
- (6) Sở Tư pháp.
- (7) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- (8) Sở Xây dựng.
- (9) Sở Khoa học và Công nghệ.
- (10) Sở Giáo dục và Đào tạo.
- (11) Sở Y tế.
- (12) Thanh tra tỉnh.
- (13) Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- 02 tổ chức hành chính khác gồm:

- (1) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh
- (2) Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

b) Về cán bộ, công chức:

- Biên chế cán bộ, công chức được giao năm 2025: 1.294 biên chế.
- Số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 1.097 người.

6.1.2.3. Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

a) Về tổ chức bộ máy:

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và thuộc các tổ chức hành chính cấp tỉnh là 121 đơn vị, được phân loại như sau:

- Phân loại theo cấp quản lý: 08 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, 113 đơn vị sự nghiệp thuộc các tổ chức hành chính cấp tỉnh.

- Phân loại theo ngành, lĩnh vực: 59 đơn vị sự nghiệp giáo dục (trong đó 01 đơn vị giáo dục thường xuyên và 02 Trường Cao đẳng), 20 đơn vị sự nghiệp y tế và 42 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

b) Về viên chức và hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ (trừ viên chức ngành y tế, giáo dục):

- Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2025: 932 biên chế.

- Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2025: 342 biên chế.

- Số viên chức và hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 984 người.

6.1.2.4. Các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh

Tổng số các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là 14 tổ chức hoạt động trong phạm vi tỉnh. Biên chế năm 2025 là 75 biên chế. Số người có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 85 người.

6.2. Tỉnh Bình Thuận

6.2.1. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

a) Tỉnh ủy Bình Thuận:

Hiện có 649 tổ chức cơ sở Đảng với 44.378 đảng viên; Ban Chấp hành hiện có 45/52 đồng chí, Ban Thường vụ: 14/16 đồng chí.

(1) Thường trực Tỉnh ủy: 03 đồng chí (Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh, 01 Phó Bí thư thường trực kiêm Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội và 01 Phó Bí thư kiêm Chủ tịch UBND tỉnh).

(2) 05 Ban Đảng (Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính, Văn phòng Tỉnh ủy).

(3) 02 Đảng ủy trực thuộc: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh.

b) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

(1) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(2) Tổ chức chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh; Tỉnh đoàn; Liên đoàn Lao động.

c) Đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy: 02 Đơn vị sự nghiệp: Báo Bình Thuận; Trường Chính trị tỉnh.

Ngoài ra, có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh như sau: Khách sạn Đồi Dương là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng Tỉnh ủy. Nhà Thiếu nhi tỉnh là đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh đoàn. Trung tâm sinh hoạt dã ngoại thanh thiếu nhi tỉnh Bình Thuận là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh đoàn. Trung tâm Hỗ trợ Nông dân là đơn vị sự nghiệp thuộc Hội Nông dân tỉnh. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Thuận là đơn vị sự nghiệp của Công đoàn do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thành lập.

d) Về cán bộ, công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

- Biên chế cán bộ, công chức được giao năm 2025: 374 biên chế.
- Số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 340 người.

6.2.2. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước

6.2.2.1. Chính quyền địa phương cấp tỉnh

- HĐND tỉnh:

Hiện có 46 đại biểu HĐND tỉnh.

- (1) Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh; 02 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- (2) 04 Ban, gồm: Ban Văn hoá - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc, Ban Kinh tế
- Ngân sách, với tổng số cán bộ là 09 người.

- UBND tỉnh:

Hiện có Chủ tịch UBND tỉnh; 03 Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

6.2.2.2. Các tổ chức hành chính cấp tỉnh

a) Về tổ chức bộ máy:

Tỉnh Bình Thuận có 15 tổ chức hành chính cấp tỉnh, cụ thể:

- 13 cơ quan chuyên môn gồm:

- (1) Văn phòng UBND tỉnh.
- (2) Sở Nội vụ.
- (3) Sở Tài chính.
- (4) Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- (5) Sở Công Thương.
- (6) Sở Tư pháp.
- (7) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- (8) Sở Xây dựng.
- (9) Sở Khoa học và Công nghệ.

(10) Sở Giáo dục và Đào tạo.

(11) Sở Y tế.

(12) Thanh tra tỉnh.

(13) Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- 02 tổ chức hành chính khác gồm:

(1) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

(2) Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

b) Về cán bộ, công chức:

- Biên chế cán bộ, công chức năm 2025: 1.232 biên chế.

- Số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 1.113 người.

6.2.2.3. Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

a) Về tổ chức bộ máy:

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các tổ chức hành chính cấp tỉnh là 101 đơn vị, được phân loại như sau:

- Phân loại theo cấp quản lý: 05 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, 96 đơn vị sự nghiệp thuộc các tổ chức hành chính cấp tỉnh.

- Phân loại theo ngành, lĩnh vực: 28 đơn vị sự nghiệp giáo dục (trong đó 26 đơn vị giáo dục đào tạo, 01 trường Tình thương và 01 Trường Cao đẳng), 11 đơn vị sự nghiệp y tế và 62 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

b) Về viên chức và hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ (trừ viên chức ngành y tế, giáo dục):

- Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2025: 954 biên chế.

- Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2025: 1.636 biên chế.

- Số viên chức và hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 2.713 người.

6.2.2.4. Các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh

Tổng số các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là 14 tổ chức hoạt động trong phạm vi tỉnh. Biên chế năm 2025 là 71 biên chế. Số người có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 63 người.

6.3. Tỉnh Đắk Nông

6.3.1. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

a) Tỉnh ủy Đắk Nông:

Hiện có 411 tổ chức cơ sở Đảng với 28.028 đảng viên; Ban Chấp hành hiện có 38/49 đồng chí, Ban Thường vụ: 14/16 đồng chí.

(1) Thường trực Tỉnh ủy: 04 đồng chí (Bí thư Tỉnh ủy, 01 Phó Bí thư thường trực kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh, 01 Phó Bí thư và 01 Phó Bí thư kiêm Chủ tịch UBND tỉnh).

(2) 05 Ban Đảng (Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính, Văn phòng Tỉnh ủy).

(3) 02 Đảng ủy trực thuộc: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh.

b) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

(1) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(2) Tổ chức chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh; Tỉnh đoàn; Liên đoàn Lao động.

c) Đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy: 02 Đơn vị sự nghiệp: Báo Đắk Nông; Trường Chính trị tỉnh.

Ngoài ra, còn có 02 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Hoạt động thanh thiếu nhi trực thuộc Tỉnh đoàn, Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh.

d) Về cán bộ, công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

- Biên chế cán bộ, công chức được giao năm 2025: 391 biên chế.

- Số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 371 người.

6.3.2. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước**6.3.2.1. Chính quyền địa phương cấp tỉnh**

- HĐND tỉnh:

Hiện có 48 đại biểu HĐND tỉnh;

(1) 01 Phó Bí thư Thường trực kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh; 02 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; (2) 04 Ban, gồm: Ban Văn hoá - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc, Ban Kinh tế - Ngân sách, với tổng số cán bộ là 10 người.

- UBND tỉnh:

Hiện có Chủ tịch UBND tỉnh; 02 Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

6.3.2.2. Các tổ chức hành chính cấp tỉnh**a) Về tổ chức bộ máy:**

Tỉnh Đắk Nông có 15 tổ chức hành chính cấp tỉnh, cụ thể:

- 13 cơ quan chuyên môn gồm:

- (1) Văn phòng UBND tỉnh.
- (2) Sở Nội vụ.
- (3) Sở Tài chính.
- (4) Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- (5) Sở Công Thương.
- (6) Sở Tư pháp.
- (7) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- (8) Sở Xây dựng.
- (9) Sở Khoa học và Công nghệ.
- (10) Sở Giáo dục và Đào tạo.
- (11) Sở Y tế.
- (12) Thanh tra tỉnh.
- (13) Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- 02 tổ chức hành chính khác gồm:

- (1) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh
- (2) Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

b) Về cán bộ, công chức:

- Biên chế cán bộ, công chức năm 2025: 1.236 biên chế.
- Số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 1.044 người.

6.3.2.3. Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

a) Về tổ chức bộ máy:

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các tổ chức hành chính cấp tỉnh là 76 đơn vị, được phân loại như sau:

- Phân loại theo cấp quản lý: 04 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, 72 đơn vị sự nghiệp thuộc các tổ chức hành chính cấp tỉnh.

- Phân loại theo ngành, lĩnh vực: 32 đơn vị sự nghiệp giáo dục (trong đó có 01 Trường Cao đẳng), 13 đơn vị sự nghiệp y tế và 31 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

b) Về viên chức và hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ (trừ viên chức ngành y tế, giáo dục):

- Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2025: 528 biên chế.

- Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2025: 405 biên chế.

- Số viên chức và hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 1.100 người.

6.3.2.4. Các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh

Tổng số các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là 12 tổ chức hoạt động trong phạm vi tỉnh. Biên chế năm 2025 là 67 biên chế. Số người có mặt tại thời điểm tháng 3/2025: 64 người.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án

Thành lập 01 ĐVHC cấp tỉnh trên cơ sở sắp xếp ĐVHC 03 tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông

1.1. Thành lập 01 tỉnh mới với tên gọi Lâm Đồng, trực thuộc Trung ương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số (bao gồm: thường trú và tạm trú) của 03 tỉnh:

(1) Tỉnh Lâm Đồng: diện tích tự nhiên là 9.781,20 km², quy mô dân số là 1.595.597 người.

(2) Tỉnh Bình Thuận: diện tích tự nhiên là 7.942,60 km², quy mô dân số là 1.531.253 người.

(3) Tỉnh Đắk Nông: diện tích tự nhiên là 6.509,27 km², quy mô dân số là 746.149 người.

1.2. Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp

1.2.1. Cơ sở và lý do đề xuất phương án:

Việc đề xuất phương án nhập 03 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông thành 01 tỉnh phù hợp bối cảnh hiện nay: việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước phù hợp với tình hình mới. Chủ trương nhập tỉnh, thành phố nhằm hướng tới sự phát triển bền vững và quản lý hiệu quả hơn. Trước hết, việc nhập giúp tinh gọn bộ máy hành chính, hình thành các thực thể hành chính đủ lớn để quy hoạch vùng kinh tế liên kết, thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng đồng bộ, giúp quản lý thống nhất các nguồn lực tự nhiên tạo lợi thế cạnh tranh lớn, tạo dư địa đầu tư phát triển và tăng hiệu quả quản lý nhà nước.

Điều này cũng tạo điều kiện tối ưu hóa nguồn lực, khai thác tiềm năng kinh tế và tăng khả năng tự cân đối ngân sách của cả 03 địa phương: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông sau khi nhập (với các tỉnh nhỏ, có nguồn thu hạn chế). Việc nhập cũng góp phần thúc đẩy liên kết vùng, hình thành các trung tâm kinh tế lớn, tăng cường sức cạnh tranh và thu hút đầu tư, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, việc xây dựng Chính phủ số và ứng dụng công nghệ thông tin đã tạo thuận lợi lớn trong quản lý hành chính, cho phép giải quyết thủ tục hành chính không biên giới, giảm thiểu các rào cản địa lý giữa các

tỉnh. Cùng với đó, hệ thống giao thông liên tỉnh, liên vùng của 03 địa phương: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông cơ bản đã hoàn thành, bao gồm các tuyến đường cao tốc, Quốc lộ và hạ tầng giao thông công cộng hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối giữa các địa phương sau khi nhập:

- Các tuyến giao thông đường bộ kết nối thông suốt ba tỉnh gồm 02 tuyến:

+ Quốc lộ 28: Bắt đầu từ thành phố Phan Thiết đến huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận qua huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng (giao cắt với Quốc lộ 20) và kết nối với huyện Đắk Glong, thành phố Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông (giao với đường Hồ Chí Minh).

+ Quốc lộ 55: Kết nối huyện Hàm Tân (giáp ranh huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đến huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận đi qua huyện Bảo Lâm, thành phố Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng (giao với Quốc lộ 20); tiếp tục đi theo tuyến đường tỉnh ĐT.725 và đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 (được quy hoạch là Quốc lộ 55) qua thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm, kết nối với Quốc lộ 28 thuộc huyện Đắk Glong tỉnh Đắk Nông.

- Các tuyến giao thông hiện hữu kết nối giữa 02 tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng:

+ Quốc lộ 28B: Bắt đầu từ ngã ba thị trấn Lương Sơn (giao Quốc lộ 1), huyện Bắc Bình thuộc địa bàn tỉnh Bình Thuận đến huyện Đức Trọng thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng (giao với Quốc lộ 20). Hiện nay, dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 28B qua tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng đang được triển khai thi công.

+ ĐT.717 thuộc địa phận 2 huyện Đức Linh và Tánh Linh nối từ Tà Pao tới Tà Púra đến đường B'Sa - Bà Gia thuộc huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng (giao với Quốc lộ 20).

- Các tuyến giao thông hiện hữu kết nối giữa 02 tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông:

+ Tỉnh lộ 4B kết nối huyện Đắk Glong, huyện Krông Nô tỉnh Đắk Nông với Tỉnh lộ 722C (quy hoạch) huyện Đam Rông tỉnh Lâm Đồng (giao với Quốc lộ 27). đường giao thông vận hành thủy điện Đồng Nai 5, thuộc địa bàn huyện Đắk R'lấp kết nối với huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng.

Tổng thể, sau khi nhập, tỉnh mới sẽ có các phương thức giao thông gồm: Về đường hàng không có sân bay quốc tế Liên Khương (thuộc địa bàn huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng); tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua tỉnh Bình Thuận, chạy dọc theo hướng Bắc - Nam, với 14 ga đường sắt (từ ga Vĩnh Hảo đến ga Gia Huynh, trong đó ga chính là ga Bình Thuận và các ga còn lại là ga hỗn hợp, chủ yếu phục vụ cho các đoàn tàu khách và tàu hàng Bắc - Nam); ngoài ra còn có cảng biển và một số tuyến đường thủy nội địa (tỉnh Bình Thuận).

1.2.2. Lựa chọn tên gọi

a. Tên gọi của ĐVHC tỉnh mới: Lâm Đồng

b. Lý do đặt tên tỉnh Lâm Đồng:

- Là tên gọi có tính nhận diện cao, gắn liền với nông nghiệp chất lượng cao và du lịch xanh:

Tên gọi “Lâm Đồng” từ lâu đã là thương hiệu uy tín gắn liền với nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt nổi tiếng về các sản phẩm rau hoa chất lượng xuất khẩu và là vùng trọng điểm sản xuất cà phê, chè, trái cây đặc sản của cả nước. Bên cạnh đó, Lâm Đồng còn được biết đến rộng rãi, đặc biệt nhờ vào thành phố Đà Lạt - một trung tâm du lịch, kinh tế và văn hóa quan trọng đóng vai trò như một thương hiệu toàn cầu về du lịch nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao và môi trường sống xanh, thu hút du khách cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Việc lựa chọn Lâm Đồng làm tên tỉnh không chỉ đảm bảo sự tiếp nối của một thương hiệu mạnh mà còn tạo ra lợi thế trong việc quảng bá hình ảnh và thu hút nguồn lực phát triển, giúp tỉnh hợp nhất nhanh chóng khẳng định vị thế trên bản đồ kinh tế và du lịch quốc gia.

- Bảo đảm nguyên tắc sử dụng một trong các tên đã có, dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ:

Việc lựa chọn tên tỉnh mới là “Lâm Đồng” - một trong ba tên gọi đã tồn tại trước khi nhập (Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông); có thể được xem là giải pháp phù hợp nhất nhằm hạn chế tối đa các tác động phát sinh đối với người dân và doanh nghiệp, đặc biệt trong việc chuyển đổi giấy tờ, cập nhật thông tin địa lý và các thủ tục hành chính liên quan. Đồng thời, tên gọi này được cho là đáp ứng các tiêu chí về khả năng nhận diện, tính ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, qua đó góp phần duy trì tính liên tục trong quản lý nhà nước và phát huy lợi thế so sánh của tỉnh mới trong quá trình hội nhập và phát triển.

1.2.3. Lựa chọn Trung tâm chính trị - hành chính

a. Lựa chọn Trung tâm chính trị - hành chính:

Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh mới đặt tại **tỉnh Lâm Đồng** hiện nay.

b. Lý do đặt Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh Lâm Đồng mới đặt tại tỉnh Lâm Đồng hiện nay:

- Thành phố Đà Lạt hiện nay là Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh Lâm Đồng, tỉnh có vị trí địa lý trung tâm, thuận lợi trong việc kết nối liên kết vùng:

(1) Thành phố Đà Lạt sở hữu vị trí địa lý trung tâm chiến lược, rất thuận lợi trong phương án hợp nhất ba tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông và Bình Thuận. Thành phố nằm cách trung tâm Gia Nghĩa (Đắk Nông) khoảng 160 km về phía Tây Bắc thông qua tuyến Quốc lộ 28, đồng thời cách thành phố Phan Thiết (Bình Thuận) khoảng 160 km về phía Đông Nam thông qua tuyến Quốc lộ 28B và Quốc lộ 20. Các tuyến giao thông này đóng vai trò huyết mạch, tạo điều kiện thuận tiện để kết nối hiệu quả giữa các vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ.

(2) Bên cạnh đó, với lợi thế nằm trên trục Quốc lộ 20 kết nối thẳng xuống vùng Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Lạt trở thành đầu mối giao thông quan trọng trong liên kết vùng, hỗ trợ mạnh mẽ cho giao lưu kinh tế, thương mại và du lịch. Ngoài ra, các tuyến đường huyết mạch như Quốc lộ 27 nối Lâm Đồng với các tỉnh Nam Tây Nguyên, Quốc lộ 55 nối với các tỉnh ven biển phía Đông Nam, tạo thành mạng lưới giao thông liên vùng chặt chẽ. Nhờ vậy, thành phố Đà Lạt không chỉ có lợi thế lớn trong việc điều hành, quản lý hành chính, mà còn là động lực thúc đẩy tăng trưởng toàn diện về kinh tế - xã hội cho tỉnh mới sau khi hợp nhất.

(3) Thành phố Đà Lạt đang được quy hoạch phát triển theo định hướng Trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế - văn hóa, du lịch, khoa học kỹ thuật khu vực Tây Nguyên. Đồng thời, thành phố Đà Lạt cũng giữ vai trò là đô thị di sản, phát triển theo hướng bền vững, kết hợp giữa bảo tồn và hiện đại hóa, hiện nay tỉnh Lâm Đồng đang triển khai dự án tuyến cao tốc: tuyến cao tốc Đà Lạt đi Nha Trang; tuyến cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc và Bảo Lộc - Liên Khương nối thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Lạt sẽ là động lực phát triển kinh tế cho 2 vùng kinh tế: Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, có vai trò lớn giúp kết nối giao thông vùng, tạo lợi thế phát triển cho ngành du lịch địa phương, thúc đẩy tam giác du lịch, trao đổi kinh tế, kết nối giao thông thuận tiện với các tỉnh Đông Nam Bộ, các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh Tây Nguyên.

Khi hợp nhất ba tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông và Bình Thuận, thành phố Đà Lạt sẽ phát huy vai trò dẫn dắt của vùng động lực kinh tế, cực tăng trưởng; đối với việc sắp xếp Đắk Nông là ĐVHC miền núi, Bình Thuận là ĐVHC có biển; kết hợp hài hòa, hợp lý các ĐVHC có vị trí liên kề gắn với yêu cầu định hướng phát triển để hỗ trợ lẫn nhau, cùng thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh sau hợp nhất, phù hợp yêu cầu, định hướng phát triển nhanh, bền vững của đất nước nói chung và của vùng nói riêng trong giai đoạn mới.

- Hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, thuận lợi trong việc kết nối giao thông liên vùng:

Thành phố Đà Lạt được kết nối bởi các tuyến Quốc lộ huyết mạch như Quốc lộ 20 đi Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh, Quốc lộ 27 nối với Đắk Lắk, Ninh Thuận, Quốc lộ 28 và 28B liên kết trực tiếp với tỉnh Đắk Nông và Bình Thuận, Quốc lộ 55 kết nối với vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Hạ tầng giao thông này giúp việc di chuyển giữa các địa phương trong tỉnh mới thuận tiện, dễ dàng và nhanh chóng, thúc đẩy mạnh mẽ giao lưu kinh tế, thương mại, du lịch. Ngoài ra, sân bay Liên Khương là Cảng Hàng không Quốc tế đầu tiên của khu vực Tây Nguyên (sân bay cấp 4E có công suất 5 triệu hành khách/năm), được xem như cú huých cực kỳ quan trọng góp phần phát triển ngành du lịch vùng Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng nằm cách thành phố Đà Lạt khoảng 30 km về phía Nam, kết hợp cùng hệ thống đường bộ đồng bộ, giúp thành phố Đà Lạt tăng cường kết nối với

các trung tâm kinh tế lớn trong nước và quốc tế. Chính sự phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ này tạo nền tảng vững chắc, giúp thành phố Đà Lạt giữ vai trò đầu tàu trong việc thúc đẩy tăng trưởng toàn diện cho tỉnh mới sau khi hợp nhất.

- Lợi thế về phát triển kinh tế gắn liền với nông nghiệp công nghệ cao và du lịch xanh:

Với khí hậu ôn hòa, quanh năm mát mẻ, thành phố Đà Lạt đã trở thành trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hàng đầu Việt Nam, nổi bật với các sản phẩm rau, hoa, quả đặc sản chất lượng cao như hoa Đà Lạt, rau sạch, dâu tây, atiso. Thành phố tập trung các khu nông nghiệp công nghệ cao như khu nông nghiệp công nghệ cao Lâm Đồng, trang trại sản xuất rau hoa theo tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy mạnh mẽ giá trị xuất khẩu và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Bên cạnh đó, thành phố Đà Lạt còn nổi tiếng với tiềm năng du lịch xanh, sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước nhờ cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, các hồ nước đẹp, rừng thông bạt ngàn và những công trình kiến trúc văn hóa đặc trưng. Việc kết hợp hài hòa giữa du lịch xanh và nông nghiệp công nghệ cao tạo ra cơ hội phát triển du lịch sinh thái độc đáo, trở thành điểm nhấn riêng biệt của thành phố Đà Lạt trong phát triển kinh tế, nâng cao giá trị thương hiệu và tạo động lực quan trọng cho sự phát triển bền vững, toàn diện của tỉnh mới sau khi hợp nhất.

- Đáp ứng các điều kiện về quy hoạch và mở rộng không gian phát triển đô thị trong tương lai:

Thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận được quy hoạch xây dựng thành trung tâm du lịch chất lượng cao mang tầm khu vực Đông Nam Á. Trong đó, chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, đồng thời phát triển đô thị theo hướng bền vững, hài hòa với thiên nhiên.

Do đó, thành phố Đà Lạt chính là lựa chọn phù hợp để trở thành Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh mới. Việc đặt Trung tâm chính trị - hành chính tại đây không chỉ đảm bảo tính bền vững trong quản lý, tối ưu hóa nguồn lực phát triển mà còn tạo động lực đưa tỉnh mới trở thành một trong những khu vực phát triển mạnh mẽ và đáng sống nhất trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

2. Kết quả

- Trên cơ sở nhập 03 tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông để thành: **01 tỉnh mới, với tên gọi là tỉnh Lâm Đồng**, có:

+ Diện tích tự nhiên 24.233,07 km² (đạt 302,91% so với tiêu chuẩn của tỉnh miền núi, vùng cao; đạt 484,66% so với tiêu chuẩn của tỉnh còn lại).

+ Quy mô dân số là 3.872.999 người (đạt 430,33% so với tiêu chuẩn của tỉnh miền núi, vùng cao; đạt 276,64% so với tiêu chuẩn của tỉnh còn lại).

+ Dự kiến có khoảng 124 ĐVHC cơ sở trực thuộc (Lâm Đồng: 51, Bình Thuận: 45 và Đắk Nông: 28).

- Nơi đặt Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh Lâm Đồng (*mới*) tại tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

- Vị trí địa lý: Tỉnh Lâm Đồng (*mới*) sau khi được thành lập giáp ranh các tỉnh: Đắk Lắk, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Phước (hiện nay) và Vương quốc Campuchia.

(Có Phụ lục 1.1 kèm theo)

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH: Không có.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

- ĐVHC cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp sẽ giải quyết được bài toán về quy hoạch, lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng như quy hoạch, lập kế hoạch phát triển vùng được thuận lợi hơn do nguồn lực được tập trung hơn, không bị phân tán nhỏ lẻ. Khi không gian phát triển của ĐVHC được mở rộng sắp xếp lại, có ít đầu mối hơn, mặt bằng quy mô dân số và diện tích tự nhiên của các đơn vị đảm bảo điều kiện theo quy định, thuận tiện cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành, quy hoạch, phân bổ nguồn lực từ Trung ương.

- Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh góp phần tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; góp phần tinh giản biên chế, lựa chọn được những cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, trình độ để bố trí đảm nhận các chức danh theo đúng quy định và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, cơ cấu giảm các chức danh trong các tổ chức Đảng, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội.

- Giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

1.2. Tác động tiêu cực

- Thời gian đầu sẽ có những khó khăn nhất định như thay đổi về cán bộ quản lý, quy mô quản lý; lộ trình, thời gian thực hiện việc sắp xếp sẽ ảnh hưởng đến việc chuẩn bị Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Tăng nhiệm vụ quản lý nhà nước, quản lý xã hội của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sau sắp xếp. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải luân chuyển công tác hoặc giải quyết chính sách, tinh giản biên chế do dôi dư. Điều này tất yếu ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan quản lý trong thời gian đầu (Quy mô dân số và diện tích tự nhiên sau khi nhập, mở rộng lớn hơn nên công tác quản lý nhà nước gặp khó khăn; một bộ phận cán bộ quản lý, công chức, viên chức, người lao động sẽ dôi dư sẽ dẫn đến tâm tư; số lượng dôi dư tạo áp lực trong việc bố trí, sắp xếp, tinh gọn, tinh giản đảm bảo đúng số lượng theo quy định).

- Việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là trụ sở, nhà, đất của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cũng sẽ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất cần phải điều chỉnh quy hoạch, đòi hỏi nhiều thời gian; trường hợp chuyển đổi mục đích sang đất ở, đất kinh doanh dịch vụ để bán đấu giá thì phải xử

lý tài sản là nhà, trụ sở, công trình trên đất nên gặp nhiều khó khăn trong thu hút nhà đầu tư hoặc người dân tham gia đầu giá.

- Ngoài ra, công tác quản lý nhà nước trên địa bàn đối với ĐVHC sau sắp xếp rộng hơn sẽ không tránh khỏi những khó khăn thách thức về quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội.

- Việc chuyển đổi và thống nhất các giấy tờ, sổ sách liên quan đến các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn cũng gây không ít khó khăn và tác động đến công tác quản lý nhà nước.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Tác động tích cực

- Việc đầu tư của Nhà nước vào địa bàn mới sau khi sắp xếp sẽ tập trung hơn không bị dàn trải, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội của ĐVHC cấp tỉnh mới sẽ được quan tâm đầu tư đồng bộ hơn, nhất là hệ thống các công trình hạ tầng, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa... Bên cạnh đó, một số cơ sở vật chất của ĐVHC cấp tỉnh cũ cũng sẽ được tính toán lại, tận dụng hiệu quả bảo đảm tạo cơ hội phát triển tốt cho ĐVHC cấp xã mới.

- Sau khi thành lập ĐVHC cấp tỉnh mới cùng với việc kiện toàn bộ máy quản lý, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nguồn vốn đầu tư cho ĐVHC tỉnh mới, ĐVHC cấp xã mới sẽ được sử dụng hiệu quả hơn, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Với quá trình sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh có quy mô rộng hơn, dân cư đông hơn, điều kiện phát triển mạnh hơn, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn có nhiều cơ hội hơn trong việc giao lưu hợp tác và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm, từ đó nâng cao thu nhập và mức sống cho người dân.

- Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế... được đầu tư và nâng cấp đồng bộ, đảm bảo đời sống tinh thần của người dân, phúc lợi xã hội, hướng đến văn minh; ý thức người dân được nâng cao, tạo chuyển biến về lối sống, nếp sống.

- Khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh góp phần làm tăng nguồn lực, quy mô kinh tế, hiệu quả đầu tư xã hội của ĐVHC tỉnh mới sau thành lập.

- Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh góp phần giảm chi phí xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị; tổ chức bộ máy được tinh gọn, biên chế tinh giản giúp tiết kiệm chi tiền lương, phụ cấp, sinh hoạt phí...

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh sẽ nâng cao năng lực quản lý nhà nước, chất lượng, năng suất lao động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong bộ máy nhà nước cấp tỉnh từ đó thu hút đầu tư từ khối doanh nghiệp, thu hút nhiều người lao động và sinh viên đến sinh sống học tập, tìm kiếm việc làm, kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề dịch vụ phát triển, tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của địa phương.

- Các trụ sở không sử dụng sẽ được thu hồi, tăng thu cho ngân sách nhà nước từ đó chính quyền có nguồn kinh phí để đầu tư các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ; tu sửa và xây mới đáp ứng quy mô, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc hiệu quả hơn.

2.2. Tác động tiêu cực

- Phong tục, tập quán, thói quen, lối sống, tư tưởng, nhận thức của người dân các tỉnh thực hiện sắp xếp cũng có những nét riêng biệt nhất định, nên việc sắp xếp có thể ảnh hưởng tâm lý của người dân.

- Việc thay đổi Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh mới sau thành lập có những ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn. Thay đổi này khiến cho một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân phải di chuyển xa hơn khi đến trụ sở để giải quyết công việc, từ đó ảnh hưởng phần nào đến đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh sẽ thay đổi địa chỉ, định danh trong giấy tờ của công dân, tổ chức, doanh nghiệp nên từng bước phải được cấp mới, đổi giấy tờ, địa chỉ cho phù hợp; quy mô dân số của ĐVHC cấp tỉnh tăng nên sẽ tạo áp lực lên hoạt động giáo dục, y tế, giải quyết việc làm...

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

3.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp thành lập ĐVHC mới sẽ nâng cao hiệu quả, tính thống nhất đồng bộ trong công tác quản lý nhà nước, trong đó có công tác quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội. Bên cạnh đó, việc sắp xếp là một yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức của quần chúng Nhân dân, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm.

- Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cùng với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, thu hút được nhà đầu tư, tạo nhiều cơ hội việc làm, tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư; ý thức và đời sống Nhân dân được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng được tốt hơn.

- Hệ thống giao thông thuận lợi, đặc điểm về tình hình quốc phòng, khu vực phòng thủ của ĐVHC mới có sự tương đồng, do đó khi sắp xếp sẽ thuận lợi trong việc diễn tập phòng thủ, tác chiến trên các địa hình.

- Khi thực hiện xong quá trình sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh sẽ chú trọng đầu tư các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, đời sống Nhân dân được cải thiện góp phần đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, góp phần đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương. Đề phòng các thế lực thù địch, các phần tử phản động, kích động, tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

- Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh là tiền đề để mở rộng, xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự, cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, tăng số lượng công an, tổ chức lực lượng bảo vệ an ninh trật tự, góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3.2. Tác động tiêu cực

- Trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC nếu không thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nhất quán trong nhận thức và hành động của người dân cũng như cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sẽ dễ nảy sinh tâm lý cục bộ địa phương, dẫn đến mâu thuẫn trong Nhân dân và một số cán bộ, công chức, viên chức, các phần tử cơ hội, phản động có thể lợi dụng điều này để kích động, xúi giục các hoạt động chống phá chính quyền gây mất an ninh trật tự trên địa bàn.

- Khi nhập địa bàn quản lý rộng, dân số lớn, nhiều thành phần phức tạp, nhưng cơ cấu tổ chức, phương tiện phục vụ chưa tương xứng để đảm bảo an ninh trật tự sẽ dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý đối tượng, địa bàn.

- Các ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp sẽ có quy mô dân số, diện tích tăng lên so với hiện nay, gây ra những khó khăn nhất định trong quản lý địa bàn, nhân khẩu. Sự gia tăng dân số cơ học, lao động đến địa phương; khách đến làm việc, giao dịch tại các doanh nghiệp... gây áp lực lên công tác bảo vệ an ninh trật tự.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

- Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh với quy mô diện tích và dân số lớn hơn, tổ chức bộ máy tinh gọn, bớt chồng chéo, đội ngũ cán bộ công chức qua tinh lọc sẽ được đào tạo nâng cao chất lượng phục vụ, đồng nghĩa với việc người dân và doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong các thủ tục hành chính. Mặt khác, tạo điều kiện tăng cường cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức, tăng cường kết nối các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao với cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh nhằm tinh gọn bộ máy, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, góp phần tinh giản biên chế và giảm chi

ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, công dân, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

- Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp ủy, chính quyền được giữ nguyên và ổn định trong vòng 05 năm; không làm tăng biên chế; tổ chức bộ máy và hoạt động của các ĐVHC cấp tỉnh giảm, số lượng biên chế thời gian đầu trong từng đơn vị mới tăng lên, công việc được chia sẻ và có sự bổ sung, bổ trợ không làm đình trệ việc giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ công tại địa phương. Qua sắp xếp, chất lượng, năng suất lao động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Sau sắp xếp, ĐVHC mới được đầu tư khang trang hơn, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả được củng cố, việc ứng dụng công nghệ thông tin được ưu tiên thực hiện; lựa chọn được đội ngũ làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần tạo điều kiện phục vụ Nhân dân tốt hơn. Việc tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến được thực hiện đồng bộ hơn dẫn đến việc triển khai dịch vụ được thông suốt, thống nhất.

4.2. Tác động tiêu cực

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh về trước mắt sẽ có ảnh hưởng tới lợi ích của người dân trong vấn đề giải quyết thủ tục hành chính do thay đổi tên tỉnh và trụ sở làm việc cũng như vị trí công tác của một số cán bộ công chức, bộ máy hành chính có thể bước đầu vẫn còn cồng kềnh, lúng túng do phải thực hiện sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức sau khi nhập tỉnh.

- Việc sắp xếp ĐVHC đồng nghĩa với việc thay đổi một số giấy tờ tùy thân, giấy phép kinh doanh, quyền sử dụng đất... trước mắt sẽ gây khó khăn, mất thời gian, phát sinh chi phí cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời gây áp lực cho đội ngũ cán bộ công chức các cấp liên quan trong việc tra cứu, lưu trữ.

- Tăng khối lượng công việc lên đội ngũ cán bộ, công chức khi phải giải quyết, chuyển đổi các loại giấy tờ nhân thân của người dân do thay đổi giấy tờ, địa chỉ và các thủ tục hành chính cần thiết khác.

- Sau sắp xếp, dân số đông, số lượng hồ sơ tiếp nhận nhiều trong khi cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đồng bộ dẫn đến khó khăn trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, khó đáp ứng ngay nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Hợp nhất nguyên trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Tỉnh ủy Bình Thuận và Tỉnh ủy Đắk Nông; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (mới) sẽ quyết định tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự ngay khi được thành lập.

Lộ trình thực hiện: ngay khi có Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội.

- Hợp nhất nguyên trạng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (trong đó bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh; Tỉnh đoàn; Liên đoàn Lao động) và các Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh của tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông theo Đề án của Trung ương MTTQ Việt Nam.

- Hợp nhất nguyên trạng đơn vị sự nghiệp trực thuộc mang tính tương đồng thuộc Tỉnh ủy 03 tỉnh: các cơ quan Báo, Đài PT-TH, Trường Chính trị; Trung tâm Hoạt động thanh thiếu nhi - Nhà Thiếu nhi thuộc các Tỉnh đoàn; tiếp nhận nguyên trạng toàn bộ các cơ quan, đơn vị không mang tính tương đồng.

Lộ trình thực hiện: ngay khi có Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội.

1.2. Tổ chức bộ máy cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, tổ chức khối Nhà nước

1.2.1. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức HĐND tỉnh

Hợp nhất nguyên trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của HĐND 03 tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông; HĐND tỉnh Lâm Đồng (mới) sẽ quyết định tổ chức bộ máy, bố trí con người ngay khi hợp nhất.

Lộ trình thực hiện: ngay khi có Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội.

1.2.2. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức UBND tỉnh

Hợp nhất nguyên trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của UBND 03 tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông.

Lộ trình thực hiện: ngay khi có Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội.

1.2.3. Các tổ chức hành chính cấp tỉnh

a) Về tổ chức bộ máy:

Thực hiện sắp xếp trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng các tổ chức hành chính cấp tỉnh để thành lập 15 tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh Lâm Đồng (mới):

(1) Văn phòng UBND tỉnh.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Văn phòng UBND tỉnh							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	3	9	3	58	11	46
2	Tỉnh Bình Thuận	1	4	6	4	52	25	189
3	Tỉnh Đắk Nông	1	2	8	2	60	29	19
	Tổng	3	9	23	9	170	65	254

(2) Sở Nội vụ.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Nội vụ							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	5	6	4	68	58	25
2	Tỉnh Bình Thuận	1	4	9	3	66	27	17
3	Tỉnh Đắk Nông	1	3	8	3	71	29	22
	Tổng	3	12	23	10	205	114	64

(3) Sở Tài chính.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Tài chính							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	3	9		89		5
2	Tỉnh Bình Thuận	1	5	10	1	81	6	12
3	Tỉnh Đắk Nông	1	6	8		78		8
	Tổng	3	14	27	1	248	6	25

(4) Sở Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Nông nghiệp và Môi trường							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	6	12	11	393	304	631
2	Tỉnh Bình Thuận	1	6	12	28	420	832	828
3	Tỉnh Đắk Nông	1	6	12	10	355	273	287
	Tổng	3	18	36	49	1.168	1.409	1.746

(5) Sở Công Thương.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Công Thương							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	3	6	1	77	12	10
2	Tỉnh Bình Thuận	1	3	6	1	84	21	8
3	Tỉnh Đắk Nông	1	2	7	1	71	15	7
	Tổng	3	8	19	3	232	48	25

(6) Sở Tư pháp.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Tư pháp							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	3	5	5	29	35	18
2	Tỉnh Bình Thuận	1	1	4	3	27	32	5
3	Tỉnh Đắk Nông	1	2	5	2	29	24	4
	Tổng	3	6	14	10	85	91	27

(7) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	4	6	5	50	128	29
2	Tỉnh Bình Thuận	1	4	6	8	43	139	94
3	Tỉnh Đắk Nông	1	2	7	5	47	104	10
	Tổng	3	10	19	18	140	371	133

(8) Sở Xây dựng.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Xây dựng							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	5	7	4	80	82	33
2	Tỉnh Bình Thuận	1	6	7	6	107	116	94
3	Tỉnh Đắk Nông	1	4	8	1	80	17	20
	Tổng	3	15	22	11	267	215	147

(9) Sở Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Khoa học và Công nghệ							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	3	6	4	54	51	26
2	Tỉnh Bình Thuận	1	4	6	3	48	59	21
3	Tỉnh Đắk Nông	1	2	6	2	45	28	7
	Tổng	3	9	18	9	147	138	54

(10) Sở Giáo dục và Đào tạo (Không bao gồm đơn vị sự nghiệp/viên chức)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Biên chế có mặt	
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu		Công chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Giáo dục và Đào tạo					
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	3	9	48	
2	Tỉnh Bình Thuận	1	3	5	36	5
3	Tỉnh Đắk Nông	1	3	6	47	4
	Tổng	3	9	20	131	9

(11) Sở Y tế (Không bao gồm đơn vị sự nghiệp/viên chức)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Biên chế có mặt	
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu		Công chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Y tế					
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	3	7	54	
2	Tỉnh Bình Thuận	1	3	6	52	8
3	Tỉnh Đắk Nông	1	4	8	58	7
	Tổng	3	10	21	164	15

(12) Thanh tra tỉnh.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Thanh tra tỉnh							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	2	4		29		3
2	Tỉnh Bình Thuận	1	2	4		33		4
3	Tỉnh Đắk Nông		2	4		29		4
	Tổng	2	6	12		91		11

(13) Sở Dân tộc và Tôn giáo.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Sở Dân tộc và Tôn giáo							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	3	3		30		1
2	Tỉnh Bình Thuận	1	3	3	1	27	9	7
3	Tỉnh Đắk Nông	1	3	4		29		6
	Tổng	3	9	10	1	86	9	14

(14) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh							
1	Tỉnh Lâm Đồng		2	4		24		7
2	Tỉnh Bình Thuận	1	3	3		20		7
3	Tỉnh Đắk Nông	1	3	4		32		9
	Tổng	2	8	11		76		23

(15) Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng		Phòng, ban, chi cục thuộc cơ quan, đơn vị	Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác trực thuộc	Biên chế có mặt		
		Người đứng đầu	Cấp phó người đứng đầu			Công chức	Viên chức	Người lao động, hợp đồng
	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh							
1	Tỉnh Lâm Đồng	1	2	2	1	14	12	14
2	Tỉnh Bình Thuận	1	2	3		17		3
3	Tỉnh Đắk Nông	1	3	2	2	13	20	13
	Tổng	3	7	7	3	44	32	30

- Đề xuất xem xét thành lập mới 01 cơ quan chuyên môn là Sở Ngoại vụ theo Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ (quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...), do tỉnh Lâm Đồng (mới) đạt 02 tiêu chí (quy định đáp ứng 1 trong 4 tiêu chí tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 45/2025/NĐ-CP), cụ thể: (1) có cửa khẩu quốc tế đường hàng không: Cảng hàng không quốc tế Liên Khương; (2) có cảng biển quốc tế: Cảng biển quốc tế Vĩnh Tân.

- Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đã giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Lâm Đồng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tương ứng thuộc tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông xây dựng Đề án sáp nhập các sở, ngành; Phương án bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc đồng thời tại trụ sở hành chính của tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông và tại Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh Lâm Đồng mới, bảo đảm công tác quản lý nhà nước và giảm bớt khó khăn việc đi lại, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong giai đoạn đầu sáp nhập, hoàn thành song song Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh (Văn bản số 3751/UBND-TKCT ngày 13/4/2025 về thực hiện xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh).

Lộ trình thực hiện:

Ngay sau khi có Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh: UBND tỉnh Lâm Đồng xây dựng đề án thành lập các cơ quan hành chính trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng và thành lập mới Sở Ngoại vụ tỉnh Lâm Đồng, đảm bảo tính hoạt động thường xuyên, liên tục của các cơ quan, tổ chức, không gián đoạn, không ảnh hưởng đến các hoạt động của Đảng, Nhà nước, người dân, doanh nghiệp theo quy định.

b) Về biên chế:

Tại thời điểm hợp nhất, tiếp nhận để bố trí tổng số biên chế có mặt của cả 03 địa phương Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông với số người có mặt là 3.254/3.762 tổng biên chế được giao

- Biên chế công chức (cấp tỉnh) sau hợp nhất:

STT	Tên địa phương	Công chức	
		Được giao	Có mặt
1	Tỉnh Lâm Đồng	1.294	1.097
2	Tỉnh Bình Thuận	1.232	1.113
3	Tỉnh Đắk Nông	1.236	1.044
	Tổng	3.762	3.254

- Biên chế sự nghiệp (cấp tỉnh; không tính giáo dục, y tế):

STT	Tên địa phương	Viên chức (số có mặt)
1	Tỉnh Lâm Đồng	318
2	Tỉnh Bình Thuận	302
3	Tỉnh Đắk Nông	294
	Tổng	914

1.3. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ giáo dục và y tế) thuộc các sở, ban, ngành

a) Về tổ chức bộ máy:

Hợp nhất nguyên trạng các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ mang tính tương đồng hoặc tiếp nhận nguyên trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành.

Lộ trình thực hiện: ngay sau khi có Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, triển khai xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành đảm bảo điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định.

b) Về biên chế:

Tại thời điểm hợp nhất, tiếp nhận để bố trí tổng số biên chế có mặt của cả 03 địa phương Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông.

Từ năm 2026 trở đi: Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng lại chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

1.4. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập (sự nghiệp giáo dục, y tế thuộc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trước đây), doanh nghiệp nhà nước, cổ phần doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ...

a) Về tổ chức bộ máy:

- Đối với lĩnh vực giáo dục:

+ Trước mắt, giữ nguyên các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc UBND tỉnh (Trường Cao đẳng Đà Lạt; Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Trường Cao đẳng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông...).

+ Giữ nguyên các Trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non công lập chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với Trung tâm Giáo

dục nghề nghiệp, Trung tâm Giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- *Đối với lĩnh vực y tế:* duy trì Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân ngay tại cơ sở. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, UBND cấp tỉnh sẽ xem xét tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường. Sắp xếp các Bệnh viện đa khoa các tỉnh để đảm bảo sau khi sáp nhập, tổ chức bộ máy của Bệnh viện đa khoa tỉnh đi vào hoạt động ổn định, phục vụ tốt nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân trên địa bàn.

- Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (*cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...*).

- Sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (Ban Quản lý dự án) thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng,... trên địa bàn. Trường hợp cần thiết, UBND cấp tỉnh sẽ xem xét thành lập đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý dự án của UBND cấp tỉnh để cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- UBND tỉnh sẽ chỉ đạo thực hiện việc cơ cấu lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, bảo đảm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ cấu lại, giảm viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hợp nhất nguyên trạng các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ mang tính tương đồng hoặc tiếp nhận nguyên trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức các doanh nghiệp nhà nước, cổ phần doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ...

Lộ trình thực hiện: Ngay sau khi có Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, triển khai xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cổ phần doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ... đảm bảo điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định.

b) Về biên chế:

Tại thời điểm sau sắp xếp: Số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được tính trên cơ sở số viên chức có mặt tại tất cả các đơn vị trước khi sắp xếp.

Từ năm 2026 trở đi: Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng lại chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

1.5. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức chính quyền địa phương cơ sở

Quản lý nguyên trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức chính quyền địa phương cơ sở trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (mới).

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

Việc xây dựng dự kiến Phương án thực hiện trên cơ sở các định hướng:

2.1. Trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, UBND tỉnh Lâm Đồng sẽ căn cứ điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện trạng hoạt động của bộ máy chính quyền của 03 tỉnh để xây dựng Phương án có thể bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc đồng thời tại trụ sở hành chính của tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông và tại trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh Lâm Đồng mới, bảo đảm công tác quản lý nhà nước và giảm bớt khó khăn việc đi lại, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong giai đoạn đầu sáp nhập.

2.2. Đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt của địa phương sau khi hợp nhất, sáp nhập: thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Đối với phương án nhân sự cấp uỷ, Ban Thường vụ cấp uỷ, Ủy ban kiểm tra cấp uỷ tỉnh sau khi hợp nhất, sáp nhập và việc phân công cấp uỷ viên, Ủy viên Ban Thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh (sau khi được chỉ định) đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc (không bao gồm các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý): triển khai thực hiện quy trình theo chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ được Bộ Chính trị phân công.

2.4. Đối với cán bộ đang giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh thì tiếp tục được bố trí giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh mới sau sắp xếp.

2.5. Đối với cán bộ, công chức đang giữ chức danh người đứng đầu cơ quan thuộc Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ vào điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực công tác, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, UBND tỉnh xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mới sau sắp xếp.

2.6. Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu cơ quan sau sắp xếp hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường xuống làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức.

Trước mắt số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

2.7. Đối với các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị

- Việc lựa chọn, sắp xếp, bố trí lãnh đạo, quản lý (*Trưởng phòng và tương đương*), cấp ủy và người đứng đầu của các cơ quan, tổ chức của các tỉnh khi sắp xếp, phải xem xét, đánh giá kỹ lưỡng năng lực, sở trường, uy tín, kinh nghiệm công tác, kết quả đánh giá cán bộ hằng năm và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mới. Cán bộ khi được chọn lựa, bố trí, sắp xếp vào vị trí lãnh đạo cấp phòng phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chức danh theo quy định hiện hành.

- Đối với người đứng đầu (*Trưởng phòng và tương đương*) không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp thì được bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

Trước mắt, số lượng cấp phó (*Phó trưởng phòng và tương đương*) sau sắp xếp có thể cao hơn quy định. Tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị phải xây dựng phương án sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định chung trong thời hạn 05 năm (*kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án*).

2.8. Đối với công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo quy định

Trước mắt giữ nguyên số lượng công chức, viên chức, người lao động hợp đồng hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tương ứng hoặc bố trí công tác tại cấp xã. Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

- Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp ĐVHC mà vẫn là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này, thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ quy định của Chính phủ, quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, UBND cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời thực hiện các

chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong quá trình sắp xếp ĐVHC, tổ chức bộ máy bảo đảm đúng đối tượng và quyền, lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp ĐVHC.

- Thực hiện giải quyết chính sách, chế độ cho các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc.

- Thực hiện giải quyết chính sách, chế độ cho các trường hợp cán bộ, công chức không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được bố trí công việc ở cơ quan, đơn vị, địa phương mới hoặc giải quyết chính sách, chế độ theo quy định hiện hành.

- Thực hiện đánh giá, sàng lọc, xác định đối tượng phải nghỉ việc để thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng lại chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

Hiện nay chưa có quy định chính thức của các cơ quan Trung ương về định mức biên chế, tổ chức bộ máy nên chưa thể xây dựng được Phương án bố trí, sắp xếp con người và xác định số lượng dôi dư; Phương án giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC sẽ được khẩn trương xây dựng ngay khi có quy định cụ thể.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công trên địa bàn thành phố Đà Lạt - Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh Lâm Đồng:

1.1. Về trụ sở làm việc

Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh mới trước mắt đặt tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Sau khi hoàn thành sắp xếp tổ chức, bộ máy, nghiên cứu lập quy hoạch và đầu tư xây dựng Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh Lâm Đồng tại địa điểm phù hợp.

Hiện trạng các trụ sở công trên địa bàn thành phố Đà Lạt đủ điều kiện đáp ứng ngay trong sắp xếp, bố trí cơ sở vật chất, diện tích làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức (***dự kiến số lượng: 5.516 người; theo Phương án tối đa người làm việc tập trung***) tại Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh Lâm Đồng (mới):

a) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh cần bố trí làm việc tại thành phố Đà Lạt - Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh Lâm Đồng:

Đơn vị tính: Người

Đơn vị tính: Người

STT	Tỉnh (cũ)	Cán bộ, công chức				Các Hội	Viên chức cấp tỉnh
		Đảng, MTTQ và các đoàn thể	Chính quyền nhà nước		Cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh		
			TT. HĐND tỉnh	LĐ UBND tỉnh			
1	Lâm Đồng	383	10	4	1.097	85	318
2	Bình Thuận	340	10	4	1.113	63	302
3	Đắk Nông	371	10	4	1.044	64	294
Tổng số		1.094	30	12	3.254	212	914

b) Dự kiến trụ sở bố trí làm việc:

Đơn vị tính: m²

STT	Tên trụ sở hiện hữu	Địa chỉ	Diện tích đất	Diện tích sử dụng
I.	TRỤ SỞ LÀM VIỆC KHỐI ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI		17.901	11.155,22
1	Tỉnh ủy Lâm Đồng			
	Văn phòng; Nhà làm việc Thường trực Tỉnh ủy	Số 10 Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Đà Lạt	15.153	1.844
	Các Ban đảng (3 tầng)			3.391,2
	Ban Tổ chức (Nhà ngoài VPTU)			555
	Nhà phục vụ + gara + Công an (Ban Tổ chức + gara + Công an)			1.881
	Hội trường Tỉnh ủy			1.633
	Nhà tiếp dân			48
	+ Khối phòng họp BCH Đảng bộ			1.138
	+ Nhà Biệt thự hạng 3	Số 8 Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Đà Lạt	1.332	230,46
	+ Nhà cấp III			397,56
	+ Gara xe			37
	Đảng ủy khối Doanh nghiệp cũ			

STT	Tên trụ sở hiện hữu	Địa chỉ	Diện tích đất	Diện tích sử dụng
	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh	Số 19 Lê Hồng Phong	1.416	
	Trụ sở làm việc của MTTQ được thực hiện theo Đề án được TW MTTQ phê duyệt			
II.	TRỤ SỞ LÀM VIỆC KHỎI CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI		86.111,1	48.434,1
	HĐND tỉnh Lâm Đồng		2.506,3	2.267,1
1	Văn phòng Đoàn đại biểu QH, Hội đồng nhân dân	Số 02 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Đà Lạt	2.506,3	2.267,1
	Hội và các đơn vị sự nghiệp		22.880	14.848
2	Trung tâm hành chính thành phố Đà Lạt	Số 02 (số mới là 05), Trần Nhân Tông, phường 8, thành phố Đà Lạt	22.880	14.848
	UBND tỉnh Lâm Đồng (bao gồm bố trí trụ sở Đảng ủy UBND tỉnh)		23.138,2	7.172
3	Trụ sở UBND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh	Số 4 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Đà Lạt	23.138,2	3.872
	Trụ sở làm việc chung các Hội	Số 4A Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Đà Lạt		3.300
	Các cơ quan chuyên môn (bao gồm 12 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức tương đương thuộc tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐB QH, HĐND và Văn phòng UBND đã được bố trí)		37.586,6	24.147
4	Trung tâm hành chính tỉnh	Số 36, Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt	34.821,6	22.747
	Sở Giao thông vận tải cũ	22 Pasteur, phường 4, thành phố Đà Lạt	2.765	1.400
III.	CÁC ĐỊA CHỈ CÓ DIỆN TÍCH LỚN DỰ PHÒNG ĐỂ BỐ TRÍ		57.378	44.827
1	Trường Cao đẳng Đà Lạt	Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường 4, thành phố Đà Lạt	48.600	16.357
2	Các đơn vị sự nghiệp của UBND thành phố Đà Lạt	Số 29 đường Ba tháng Tư, phường 3, thành phố Đà Lạt	2.553	4.033
3	Chi cục Dân số KHHGĐ	Số 04 Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Đà Lạt	1.337	567
4	Sở Khoa học Công nghệ cũ	Số 35 Trần Hưng Đạo, phường 10, thành phố Đà Lạt	4.888	1.104
5	Một số cơ sở khác do có nguồn gốc Tôn giáo	Số 39 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt		7.555

STT	Tên trụ sở hiện hữu	Địa chỉ	Diện tích đất	Diện tích sử dụng
		Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Số 01 Lương Thế Vinh, phường 3, thành phố Đà Lạt		2.554
		Số 09 Đinh Tiên Hoàng, phường 8, thành phố Đà Lạt		12.057
		Số 08 đường Ba tháng Tư, phường 3, thành phố Đà Lạt		600
TỔNG			161.390,1	104.416,32

(1) UBND tỉnh Lâm Đồng đã giao Sở Tài chính phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan tham mưu xây dựng phương án chủ động cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng, phục vụ hoạt động của ĐVHC hình thành sau sắp xếp, xây dựng các phương án dự phòng theo tiêu chuẩn, định mức làm việc của đơn vị mới quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về trụ sở làm việc (bình quân cán bộ chức danh 50 m²/người; công chức 12 m²/người; diện tích sử dụng chung, hội trường... bằng 50% diện tích làm việc).

(2) Trong trường hợp xây dựng, hoàn thành Phương án bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc đồng thời tại trụ sở hành chính của tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông và tại trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh Lâm Đồng mới; Sở Tài chính sẽ căn cứ để tham mưu xây dựng Phương án bố trí trụ sở làm việc phù hợp.

1.2. Chính sách nhà ở công vụ; chính sách xe công vụ:

- Phương án về bố trí nhà công vụ, hỗ trợ xe ổn định công tác cho toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức 02 tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông để đảm bảo công tác tại Thành phố Đà Lạt (trung tâm chính trị - hành chính tỉnh Lâm Đồng mới) đã được UBND tỉnh Lâm Đồng chỉ đạo các Sở: Tài chính (chủ trì), Nội vụ, Xây dựng và các sở, ngành, liên quan cũng như UBND thành phố Đà Lạt khẩn trương xây dựng (đã yêu cầu xác định tính toán nhà công vụ và xe đưa đón công tác “tuần”). Phương án sẽ hoàn thành trước khi triển khai thực hiện Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh được phê duyệt.

- Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, UBND tỉnh sẽ tham mưu HĐND tỉnh Lâm Đồng (mới) ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC thực hiện sắp xếp về công tác tại Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh Lâm Đồng (mới).

2. Phương án sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông sau sắp xếp

- Hiện nay, các Sở Tài chính Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông đang thực hiện rà soát, xây dựng lại phương án xử lý nhà, đất dôi dư của từng tỉnh theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ. Sau khi nhập tỉnh, trên cơ sở phương án của từng tỉnh đã được phê duyệt, sẽ tiếp quản, kế thừa tham mưu triển khai xử lý các nội dung còn lại của phương án đã được phê duyệt.

- UBND tỉnh Lâm Đồng (mới) sẽ rà soát, thực hiện phương án xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp tỉnh và cấp xã thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương tiến tới ổn định sau 05 năm kể từ khi sắp xếp (gắn với tiến trình ổn định cơ cấu tổ chức bộ máy trực thuộc và bố trí cán bộ, công chức, viên chức); thực hiện sắp xếp, quản lý, sử dụng theo nhu cầu của địa phương đối với trụ sở, tài sản công của các Bộ, cơ quan Trung ương có đơn vị trực thuộc trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (mới) khi được chuyển giao.

Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025, cụ thể:

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

3. Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

1.1. Năm 2025

- Hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh theo chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.
- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp tỉnh.
- Giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc và dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp tỉnh.
- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp tỉnh.
- Việc chuyển đổi giấy tờ cho cá nhân, tổ chức được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Việc cấp, sử dụng con dấu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở các ĐVHC thực hiện sắp xếp thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Chính phủ.
- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương.
- Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030.

1.2. Năm 2026

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người dôi dư sau Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030.
- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp tỉnh.
- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp tỉnh.
- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp đối với ĐVHC cấp tỉnh theo quy định của Trung ương.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh

2.1. Xây dựng Đề án trình Quốc hội phê duyệt

2.1.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông:

Chỉ đạo UBND các tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy các tỉnh xây dựng Đề án kèm toàn bộ hồ sơ theo đúng yêu cầu của

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 74/NQ-CP của Chính phủ.

2.1.2. UBND các tỉnh Lâm Đồng (chủ trì), Bình Thuận, Đắk Nông (phối hợp):

Trên cơ sở Đề án được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông phê duyệt, tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình trên địa bàn từng tỉnh theo yêu cầu và hướng dẫn của Chính phủ.

2.1.3 Thời gian thực hiện: Từ nay đến khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng được thông qua.

2.2 Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng

2.2.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng (mới):

Thành lập Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh để chỉ đạo thực hiện:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ theo đúng quy định.

- Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; đồng thời, kiểm tra và báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình triển khai Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ đảm bảo đúng quy định.

- Quyết định các chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp nhằm thực hiện đúng thời gian theo kế hoạch đã đề ra.

Thời gian thực hiện: Theo lộ trình, kế hoạch và chỉ đạo của Tỉnh ủy.

2.2.2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Chủ trì tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng và triển khai Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của khối đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp; ban hành văn bản hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Theo lộ trình, kế hoạch và chỉ đạo của Tỉnh ủy.

2.2.3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp ĐVHC các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành văn bản hướng dẫn; chỉ đạo, tuyên truyền các tổ chức, cá nhân và vận động Nhân dân hưởng ứng việc sắp xếp, thành lập ĐVHC mới theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước.

Thời gian thực hiện: Trong quá trình xây dựng Đề án và thực hiện Đề án sau khi có Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng

2.2.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh và tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện.

- Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại ĐVHC tỉnh hình thành sau sắp xếp.

Thời gian thực hiện: Trong quá trình xây dựng Đề án và thực hiện Đề án sau khi có Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng

2.2.5. UBND tỉnh Lâm Đồng (mới) kiện toàn tổ chức bộ máy và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn:

2.2.5.1. Văn phòng UBND tỉnh

Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công xây dựng phương án giải quyết thủ tục hành chính đối với các ĐVHC sau sắp xếp.

Thời gian thực hiện: ngay Đề án sau khi được phê duyệt.

2.2.5.2. Sở Nội vụ

- Triển khai thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh bảo đảm đúng lộ trình, thời gian quy định.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của khối chính quyền theo hướng dẫn của Bộ, ngành, Trung ương, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đặc biệt là việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức dôi dư.

- Xây dựng hồ sơ địa giới hành chính theo hướng dẫn của Trung ương.

Thời gian thực hiện: khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đảm bảo số lượng biên chế theo quy định.

2.2.5.3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu phương án, giải pháp cụ thể để sử dụng hiệu quả trụ sở, quản lý tài sản công tại ĐVHC tỉnh mới hình thành sau sắp xếp.

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương lập dự toán phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh.

- Chủ trì thẩm định, tổng hợp kinh phí của các đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương, của tỉnh khi thực hiện sắp xếp.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai kế hoạch đầu tư công và các chương trình, dự án đầu tư công tại các ĐVHC mới sau khi sắp xếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Thời gian thực hiện: khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành kiện toàn bộ máy đảm bảo số lượng biên chế theo quy định.

2.2.5.4. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đánh giá định hướng quy hoạch và các tiêu chuẩn về cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị,... tại ĐVHC tỉnh sau sắp xếp theo quy định.

Thời gian thực hiện: khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực và theo quy định của Trung ương.

2.2.5.5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Bản đồ hiện trạng của ĐVHC cấp tỉnh. Sắp xếp tổ chức bộ máy Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

- Xây dựng Phương án tiếp nhận các Ban Quản lý Rừng thuộc huyện về để quản lý theo khu vực liên xã, phường.

- Tổ chức hướng dẫn việc thay đổi địa chỉ trong các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu nhà, đất.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh theo Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh theo quy định.

Thời gian thực hiện: khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành kiện toàn bộ máy đảm bảo số lượng biên chế theo quy định.

2.2.5.6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thông tin, tuyên truyền, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và tạo đồng thuận của xã hội trong quá trình triển khai thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị để bảo đảm cơ sở dữ liệu, tài liệu trong hệ thống theo từng tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh.

Thời gian thực hiện: khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành kiện toàn bộ máy theo quy định.

2.2.5.7. Công an tỉnh

- Thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp tỉnh.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp tỉnh.

- Chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trước, trong và sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh.

Thời gian thực hiện: khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực và lộ trình theo quy định.

2.2.5.8. Các Sở, ban, ngành; cơ quan Trung ương đóng tại địa phương có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý, hướng dẫn các địa phương xây dựng phương án bố trí tổ chức bộ máy, số người làm việc tại các đơn vị thuộc ngành... trên địa bàn ĐVHC tỉnh mới hình thành sau sắp xếp. Triển khai các nội dung có liên quan theo thẩm quyền, trách nhiệm được giao trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh.

Thời gian thực hiện: khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập ĐVHC tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành kiện toàn bộ máy theo quy định.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, công việc khó, phức tạp, khối lượng công việc nhiều, do đó để thực hiện thành công phương án sắp xếp đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, cần sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt từ Trung ương, tỉnh, huyện, xã và thôn, tổ dân phố đến người dân, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện cụ thể, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; chú trọng và phát huy công tác tuyên truyền, vận động để tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình thực hiện.

- Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh của tỉnh Lâm Đồng đã đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, phù hợp với vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông... làm tiền đề quan trọng cho việc quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của các ĐVHC sau sắp xếp, đồng thời đảm bảo sự nối tiếp phù hợp với phương án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh theo chủ trương của Bộ Chính trị, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Chính phủ, Bộ Nội vụ, các Bộ, ban, ngành Trung ương quan tâm tạo điều kiện giúp tỉnh Lâm Đồng hoàn thành công việc đề ra; đồng thời, thống nhất Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã theo đề xuất của tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Sau khi sắp xếp các tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng mới có diện tích lớn nhất trong 34 tỉnh, thành (diện tích 24.233,07 km²), tuy nhiên hệ thống giao thông đường bộ, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin còn nhiều trở ngại, do đó xin kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ban, ngành Trung ương quan tâm bố trí nguồn lực:

- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông đường bộ huyết mạch hiện hữu như các Quốc lộ: 20, 27, 28, 28B, 55... tạo điều kiện giao thông thuận lợi nội tỉnh và giao thương ngoại tỉnh.

- Hỗ trợ địa phương trong thẩm định, phê duyệt, thu hút đầu tư các tuyến cao tốc theo trục Bắc - Nam (như cao tốc Dầu Giây - Liên Khương), Đông - Tây (như Cao tốc Nha Trang - Đà Lạt; dự kiến Bình Thuận - Đắk Nông...) nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh, lợi thế địa - kinh tế, lợi thế kết nối vùng của tỉnh Lâm Đồng mới.

- Bố trí nguồn ngân sách hỗ trợ địa phương xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước hiệu quả khi địa bàn tỉnh rộng, đầu ĐVHC cơ sở nhiều (124 ĐVHC cấp xã).

2.3. Ngay sau khi sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ, ban, ngành Trung ương quan tâm tham mưu xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các nhóm tỉnh đặc thù như Lâm Đồng (diện tích rộng, tỷ lệ đồng bào dân tộc cao, đóng góp ngân sách hạn chế nhưng có tiềm năng tài nguyên đất đai canh tác, trữ lượng khoáng sản lớn...), cơ chế chính sách thông thoáng trong phê duyệt các dự án, kêu gọi đầu tư... hoặc có chính sách, cơ chế đặc thù tài chính - ngân sách cho phép tỉnh giữ lại tối thiểu 50% nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản và năng lượng để tái đầu tư hạ tầng; qua đó, tạo đòn bẩy để tỉnh Lâm Đồng phát triển mạnh mẽ, phát huy mọi nội lực đóng góp hiệu quả cho ngân sách nhà nước và vươn lên thành tỉnh phát triển khá của cả nước.

Trên đây là Đề án sắp xếp các tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đắk Nông, UBND tỉnh Lâm Đồng kính trình Bộ Nội vụ, Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./. ML

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông;
- CT, các PCT UBND tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông;
- Các Sở, ban, ngành trực thuộc 03 tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Thái



**THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp	Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc				Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP (triệu đồng)	Tổng thu NSNN (triệu đồng)	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng)		Xã	Phường	Đặc khu	Tổng	
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>
I	Hiện trạng													
1	Tỉnh Lâm Đồng	9.781,20	122,27	1.595.597	177,29	134.289.277	13.168.875	66,7	137	42	9		51	
2	Tỉnh Bình Thuận	7.942,60	158,85	1.531.253	109,38	128.783.104	10.850.265	58,6	121	36	8	1	45	
3	Tỉnh Đắk Nông	6.509,27	81,37	746.149	82,91	56.806.458	3.171.168	45,2	71	25	3		28	
II	Kết quả													
	Cấp tỉnh mới (chia theo tiêu chuẩn của tỉnh miền núi, vùng cao)	24.233,07	302,91	3.872.999	430,33	319.878.839	27.190.308		329	103	20	1	124	
	Cấp tỉnh mới (chia theo tiêu chuẩn của tỉnh còn lại)	24.233,07	484,66	3.872.999	276,64	319.878.839	27.190.308		329	103	20	1	124	



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐVHC CẤP TỈNH SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67,... và các chính sách của địa phương)
	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	Tỉnh Lâm Đồng	9.486	10.321	314
1	Cán bộ	38	33	
2	Công chức	1.607	1.379	109
3	Viên chức	7.841	8.909	205
II	Tỉnh Bình Thuận	9.607	7.205	353
1	Cán bộ	38	38	
2	Công chức	1.491	1.346	195
3	Viên chức	8.078	5.821	158
III	Tỉnh Đắk Nông	6.302	5.794	191
1	Cán bộ	14	14	
2	Công chức	1.523	1.313	146
3	Viên chức	4.765	4.467	45
	TỔNG	25.395	23.320	858



**PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG DỰ KIẾN KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG
SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Tên tỉnh	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Số lượng tiếp tục sử dụng	Số lượng không tiếp tục sử dụng	Phương án khác (*)	2025	2026	2027	2028	2029
1	Tỉnh Lâm Đồng	358	329		29	29				
2	Tỉnh Bình Thuận	240	203		37	37				
3	Tỉnh Đắk Nông	183	129		54	54				
	Tổng	781	661		120	120				

() Chuyển giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất và Trung tâm Phát triển nhà cấp tỉnh quản lý, khai thác.*